

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000232 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 13/3/2006 và GĐKKD số 0103021423 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2007, thay đổi lần 7 ngày 25/01/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: . . ./ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở chính Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 - Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
 - Điện thoại: (84.4) 37689291 Fax: (84.4) 37689290
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)
 - 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Điện thoại: (84.4) 6278 9898 Fax: (84.4) 6278 8989
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại TP. HCM
 - Tòa nhà PetroTower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, Thành phố HCM
 - Điện thoại: (84.8) 3911 1818 Fax: (84.4) 3911 1919

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Phạm Tiến Đạt**

Chức vụ: **Phó Ban TCKT**

Số điện thoại: 0914.893.827

Fax: (84.4) 37689290/110

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021423 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội cấp
lần 7 ngày 25 tháng 01 năm 2010)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán:	100.000.000 cổ phần <i>(Một trăm triệu cổ phần)</i>
Tổng giá trị chào bán:	1.000.000.000.000 đồng <i>(Một nghìn tỷ đồng)</i>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

Số 20 Ngô Quyền – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6278 9898 Fax: (84.4) 6278 8989

Website: www.psi.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà PetroTower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3911 1818 Fax: (84.4) 3911 1919

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Số 8 Phạm Ngọc Thạch – Quận Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3852 4123 Fax: (84.4) 3852 4143

Website: www.vacodtt.com

2. Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland)

Số 2 Huỳnh Khương Ninh – Đường Đakao – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9105401 Fax: (84.8) 9105402

Email: vietland@vietland-audit.com

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về biến động của nền kinh tế:.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp:	6
3.	Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	7
4.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu từ việc phát hành thêm.....	7
5.	Rủi ro khác.....	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.8	
1.	Tổ chức niêm yết: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	9
1.1.	Giới thiệu về Tổng Công ty:	9
1.2.	Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)	9
1.3.	Ngành nghề kinh doanh:.....	9
1.4.	Quá trình hình thành và phát triển:.....	11
1.5.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:	12
2.	Cơ cấu tổ chức kinh doanh:	14
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty:	16
4.	Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:.....	18
4.1.	Cơ cấu cổ đông (đến ngày 29/12/2009):	18
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập (đến ngày 23/02/2010):.....	18
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	20
5.1.	Công ty mẹ:.....	20
5.2.	Công ty con, công ty liên doanh liên kết:	20
6.	Hoạt động kinh doanh	26
6.1.	Giá trị dịch vụ của Tổng Công ty.....	26
6.2.	Nguyên vật liệu	27
6.3.	Chi phí sản xuất:.....	28
6.4.	Trình độ công nghệ:	29
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:.....	32
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:	32
6.7.	Hoạt động marketing:	32
6.8.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:.....	34
6.9.	Hoạt động đầu tư của Tổng Công ty.	37
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	59
7.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	59
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo:.....	60

8.	Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành - Định hướng phát triển của Tổng Công ty.	61
8.1.	Vị thế sản phẩm của Tổng Công ty so các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và triển vọng của ngành:	61
8.2.	Định hướng phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn 2010 - 2025:	62
9.	Chính sách đối với người lao động	70
10.	Chính sách cổ tức:	71
11.	Tình hình hoạt động tài chính	72
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản:	72
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	78
12.	Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	79
12.1.	Hội đồng Quản trị:	79
12.2.	Ban Tổng Giám đốc điều hành:	84
12.3.	Ban Kiểm soát:	91
13.	Tài sản	97
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo:	100
14.1.	Mục tiêu phát triển:	100
14.2.	Các chỉ tiêu chính:	100
14.3.	Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.	101
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:	103
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:	104
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:	104
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	104
1.	Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông	104
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng	104
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000 cổ phần	104
6.	Phương thức phân phối:	106
7.	Xử lý cổ phần dôi dư:	106
8.	Thời gian phân phối cổ phiếu:	106
9.	Đăng ký mua cổ phiếu:	107
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	107
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	108
VII.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	109
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU	110
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:	110
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	110
IX.	PHỤ LỤC:	111

CÁC BẢNG BIỂU:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	12
Bảng 2: Doanh thu từng loại hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm	26
Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty trong năm 2007, 2008 và 2009	28
Bảng 4: Năng lực máy móc thiết bị	29
Bảng 5: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện	34
Bảng 6: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm 2007, 2008 và năm 2009	59
Bảng 7: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2009	71
Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức của PVC	72
Bảng 9: Tình hình thu nhập của người lao động trong Tổng Công ty qua các năm	73
Bảng 10: Số dư các quỹ năm 2007, 2008 và 2009	73
Bảng 11: Tình hình dư nợ vay của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009	74
Bảng 12: Các khoản phải thu, phải trả của Công ty mẹ năm 2008 và năm 2009	76
Bảng 13: Các khoản phải thu, phải trả của Tổng Công ty năm 2008 và năm 2009	77
Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Tổng Công ty qua các năm 2007, 2008, 2009	78
Bảng 15: Một số tài sản chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2008	97
Bảng 16: Một số tài sản chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2009	98
Bảng 17: Tình hình văn phòng, nhà xưởng đang sử dụng của PVC	99
Bảng 18: Báo cáo một số chỉ tiêu thực hiện năm 2009 và Kế hoạch 2010	100
Bảng 19: Chi tiết sản lượng, doanh thu kế hoạch năm 2010	101

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về biến động của nền kinh tế:

Nền kinh tế có ảnh hưởng lớn tới thị trường chứng khoán và quyết định đầu tư của nhà đầu tư. Nền kinh tế Việt Nam sau một thời gian tăng trưởng liên tục trên 7%/năm đang phải đối mặt với nhiều thách thức như:

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu trong lĩnh vực ngân hàng – tài chính của Mỹ đã lan ra mức độ toàn cầu trong năm 2008, 2009. Sự sụp đổ hàng loạt của các ngân hàng, quỹ đầu tư lớn tại Mỹ và nhiều nước trên thế giới đã ảnh hưởng lớn dòng luân chuyển vốn đầu tư quốc tế và đặc biệt là lòng tin của các nhà đầu tư.

Đối với Việt Nam, chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế nước ta cũng xảy ra những biến động mạnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bị chậm lại. Năm 2009 Việt Nam chỉ duy trì tốc độ tăng trưởng 5,3%.

Bên cạnh tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế tới khả năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam còn một nguyên nhân quan trọng khác là những khiếm khuyết trong quản lý vĩ mô đã dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế bị suy giảm như: sự lơ đãng trong quản lý tín dụng dẫn đến việc chạy đua lãi suất, cho vay tràn lan; Chính sách quản lý các thị trường chứng khoán, tín dụng và bất động sản không theo kịp thực tế dẫn đến hình thành bong bóng chứng khoán, nhà đất...

Để giải quyết những khó khăn và hạn chế những rủi ro trên, Tổng Công ty đã nhận được sự giúp đỡ rất lớn từ phía Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) cũng như nỗ lực của toàn thể Tổng Công ty. Trong năm 2009, Tổng Công ty đã bám sát chiến lược phát triển của tập đoàn, tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ cho tập đoàn. Trong năm qua, mặc dù nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn nhưng với những công trình được PVN giao, doanh thu của toàn PVC vẫn tăng 239% so với năm 2008.

2. Rủi ro về luật pháp:

Sự thay đổi của hệ thống luật pháp, các quy định và luật có liên quan tới thị trường chứng khoán cũng như luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể ảnh hưởng mạnh tới kết quả hoạt động của Tổng Công ty cũng như kết quả, hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi đầu tư vào cổ phiếu này.

Việt Nam là một đất nước đang phát triển, hệ thống luật pháp vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do vậy, các văn bản pháp luật còn thiếu, chồng chéo và chưa thật sự rõ ràng. Do đó, khả năng thay đổi các quy định pháp luật là rất lớn.

Đặc biệt, PVC là một Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Trong điều kiện hệ thống luật pháp còn có chỗ chồng chéo, chưa bao phủ hết các lĩnh vực cũng như những hạn chế trong quá trình quản lý, điều hành có thể dẫn đến những rủi ro về luật pháp.

Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ công nhân viên và cổ đông của Tổng Công ty.

3. Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Rủi ro cạnh tranh: nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Do vậy, áp lực mở cửa thị trường và tạo “sân chơi” bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết trong hoàn cảnh các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế về vốn, kinh nghiệm, kỹ thuật và trình độ quản lý .v.v. Điều này đòi hỏi Tổng Công ty phải không ngừng nâng cao năng lực để tăng sức cạnh tranh.
- Rủi ro chậm thanh toán: Các công trình dầu khí thường có vốn đầu tư lớn và thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần và việc giải ngân vốn chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.
- Rủi ro về giá nguyên vật liệu: những biến động về giá nguyên vật liệu như xi măng, điện, sắt thép, xăng dầu... cũng làm ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của đơn vị.
- Rủi ro về tỷ giá: Giá ngoại tệ tăng cao làm tăng giá máy móc thiết bị nhập khẩu của doanh nghiệp.
- Rủi ro về lãi suất: Nhu cầu về vốn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên là rất lớn. Do vậy, nguồn vốn tín dụng có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, lãi suất tín dụng trong năm 2010 có xu hướng biến động khó lường và tăng cao sẽ là yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của toàn Tổng Công ty.

4. Rủi ro pha loãng cổ phiếu từ việc phát hành thêm

- Việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty sẽ làm pha loãng cổ phiếu hiện tại của Tổng Công ty, tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận đối với Tổng Công ty cũng như đảm bảo tỷ lệ cổ tức cam kết trả cho cổ đông. Việc phát hành thêm cổ phần cũng làm pha loãng giá cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty cũng như các quyền biểu quyết tương ứng với tỷ lệ nắm giữ của cổ đông đối với Tổng Công ty.
- Khi thị trường đang trong xu hướng giảm thì cổ phiếu dù tốt cũng không tránh khỏi giảm giá. Đây là quy luật của thị trường tuy nhiên nó ảnh hưởng đến từng cổ phiếu với mức độ khác nhau. Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ giảm đi nếu như doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu hoạt động tốt.
- Ví dụ: Tại thời điểm ngày 29/01/2010, thị giá cổ phiếu PVX là 24.400 đồng/cổ phiếu. Tổng Công ty sẽ thực hiện đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm xấp xỉ là 0,666 lần). Do đó giá pha loãng cổ phiếu PVX sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_r \times I}{1 + I}$$

$$P_{pl} = \frac{24.400 + 10.000 \times 0,6666}{1 + 0,6666} = 18.640 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng

P_t : Thị giá cổ phiếu

P_r : Giá cổ phiếu phát hành thêm

I : Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm

5. Rủi ro khác

- Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như của Tổng Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ thi công công trình hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ) đến Tổng Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Tổng Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho tài sản, con người và các công trình xây dựng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ông: **Trịnh Xuân Thanh**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông: **Vũ Đức Thuận**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: **Nguyễn Thanh Sơn**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: **Nguyễn Văn Lai**

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Tổng Công ty trong tương lai.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông **Phạm Quang Huy**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung của Bản cáo bạch này đã tuân thủ theo đúng trình tự bắt buộc.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. Tổng Công ty: | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam |
| 2. PVC: Tên viết tắt | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam |
| 3. Tổ chức phát hành: | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam |
| 4. Tập đoàn: | Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) |
| 5. PSI: | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí |

- 6. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- 7. HĐQT: Hội đồng Quản trị
- 8. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- 9. BCTC: Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu về Tổng Công ty:

- Tên Tiếng Việt: **Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**
- Tên Tiếng Anh: Petro Vietnam Construction Joint Stock Corporation
- Tên viết tắt: **PVC**
- Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 37689291 Fax: (84.4) 37689290
- Mã số thuế: 3500102365
- Tài khoản giao dịch: 2111.000.100.8688
tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội
- Logo của Tổng Công ty:



1.2. Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác;
- Thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi;
- Gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp;
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí;
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ;
- Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng đầu, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp;

- Kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè, bến cảng;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp;
- Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm;
- Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng: Các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành Dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng;
- Lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước); bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Chế tạo cơ khí chế tạo ngành Dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển;
- Thi công các công trình giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá, nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);
- Vận chuyển dầu, khí hóa lỏng và hóa chất;

- *Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp;*
- *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng;*
- *Kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy;*
- *Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.*

1.4. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam trước đây là Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí, được thành lập theo quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dầu khí số 1069/DK-TC ngày 14/09/1983 trên cơ sở lực lượng cán bộ chiến sĩ binh đoàn 318 quân đội làm nhiệm vụ xây dựng chuyên ngành dầu khí tại Vũng Tàu.

Ngày 19/09/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam có Quyết định số 1254/DK-TCNS đổi tên Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí thành Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí (PVECC).

Kể từ ngày thành lập đến nay, Công ty không ngừng phát triển và trở thành đơn vị xây lắp chủ lực đảm nhiệm phần lớn các công trình của ngành Dầu khí: Xây dựng căn cứ dịch vụ Dầu khí trên bờ ở tiền cảng Vũng Tàu, đảm nhiệm 50% khối lượng công việc chế tạo và 70% công tác sửa chữa chân đế giàn khoan cho Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsopetro, xây dựng hệ thống tổng kho xăng dầu và các kho trung chuyển cho các đơn vị trong ngành dầu khí.

Thực hiện chương trình đưa khí vào bờ của ngành Dầu khí, Công ty đã tham gia lắp đặt tuyến ống dẫn khí Long Hải – Bà Rịa, Bà Rịa – Phú Mỹ và sau đó là hệ thống tồn trữ và phân phối khí khô, khí hoá lỏng và hệ thống thấp áp cho các nhà máy công nghiệp ở Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai. Ngoài ra để tận dụng tối đa năng lực của mình, Công ty đã tham gia thi công rất nhiều công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình công nghiệp và dân dụng thuộc nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác nhau với yêu cầu kỹ thuật đa dạng.

Năm 2004, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành công ty cổ phần. Tháng 3 năm 2005, Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.

Kể từ khi chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (ngày 01/04/2006), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí không ngừng phát triển và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ chiến lược phát triển Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đã được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt, để thống nhất trong việc quản lý và điều hành các đơn vị thành viên, ngày 26/10/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN về việc Thông qua Đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó: Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí (PVC) được hình thành trên cơ sở chuyển đổi và sắp xếp lại các công ty cổ phần có vốn góp của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ngày 21/11/2007, Đại hội đã thông qua Đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Ngày 20 tháng 12 năm 2007, Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021423 cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/06/2008 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành riêng lẻ từ 150 tỷ lên 1.500 tỷ, trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam góp vốn bằng tiền mặt và chuyển quyền sở hữu vốn góp của Tập đoàn tại các công ty thành viên. Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty mẹ và tiếp nhận, thành lập mới nhiều Công ty thành viên, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty không ngừng mở rộng.

Với những thành tích đã đạt được trong quá trình hình thành và phát triển, Tổng Công ty đã được tặng các bằng khen và huân, huy chương cao quý. Cụ thể:

- Năm 1997: Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí được tặng Huân chương lao động Hạng 3.

- Năm 2000: Xí nghiệp sửa chữa các công trình Dầu khí thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí đã được tặng Huân chương lao động Hạng 3.

- Năm 2001: Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí được tặng Huân chương chiến công Hạng 3.

- Năm 2001: Xí nghiệp kết cấu kim loại và lắp máy trục thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí đã được tặng Huân chương lao động Hạng 2.

- Năm 2007, 12 đơn vị thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí được khen thưởng thành tích Tập thể lao động xuất sắc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Năm 2008, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được nhận Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Cờ thi đua của Bộ Công thương, Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

1.5. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Lần thay đổi	VĐL (tỷ đồng)	Ngày đăng ký thay đổi	Lý do thay đổi	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Lần đầu	150	13/3/2006	Cổ phần hoá	Bán đấu giá cổ phần	Quyết định số: 943/QĐ-BCN ngày 17/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí.

Lần 1	1.500	08/08/2008	Tăng vốn điều lệ	<i>Hình thức phát hành:</i> Phát hành riêng lẻ. <i>Giá phát hành:</i> 10.000 đ/CP.	Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ số 432/BC-XLĐK ngày 18/12/2008 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam gửi UBCKNN.
----------	-------	------------	---------------------	--	---

Nguồn: Báo cáo phát hành do PVC cung cấp.

Ghi chú:

Tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 21/11/2007, Đại hội đã nhất trí thông qua phương án chuyển đổi, sắp xếp lại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, đồng thời thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 525 tỷ đồng theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2,5.

Ngày 20/12/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0103021423 (lần I) cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với mức vốn điều lệ là 525 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm đó Tổng công ty thực hiện việc chuyển đổi trụ sở làm việc từ Thành phố Vũng Tàu ra Thành phố Hà Nội nên việc tăng vốn chưa được thực hiện kịp thời. Sau khi chuyển đổi trụ sở làm việc, Tổng công ty thực hiện mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư nâng cao năng lực thi công nhằm xây dựng và phát triển theo hình thức đa sở hữu, đa ngành nghề, có khả năng đứng vững, cạnh tranh độc lập trên thị trường. Do đó nhu cầu về vốn phục vụ cho mục tiêu phát triển của Tổng công ty ngày càng lớn và cấp bách. Ngày 27/6/2008, tại Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 của Tổng Công ty đã thông qua việc huỷ phương án phát hành từ 150 tỷ đồng lên 525 tỷ đồng và thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng bằng hình thức phát hành riêng lẻ cho 4 nhà đầu tư với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, chi tiết như sau:

TT	Đối tượng mua CP	Số CP chào bán theo NQ	Số lượng CP thực tế phân phối
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	111.796.575	119.296.575*
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	11.200.000	8.592.911*
3	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	11.253.425	6.360.514*
4	Ông Phạm Quy Nhơn	750.000	750.000
	Tổng	135.000.000	135.000.000

(*) Do hai đơn vị là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí không đăng ký mua hết số cổ phần được chào bán. Tổng số cổ phần hai nhà đầu tư này từ chối mua là 7.500.000 cổ phần. Theo Ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 387/NQ-XLDK ngày 10/11/2008 về việc xử lý số cổ phần không phân phối hết. Theo đó, số cổ phần này sẽ phân phối cho 02 nhà đầu tư còn lại. Ngày 26/11/2008, Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 8811/NQ-DKVN về việc chấp thuận mua thêm 7.500.000 cổ phần chưa phân phối hết của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Ngày 10/12/2008, Tổng Công ty đã thực hiện kiểm toán toàn bộ số vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng. Ngày 18/12/2008, Tổng Công ty đã có báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

2. Cơ cấu tổ chức kinh doanh:

Trụ sở Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3768.9291

Fax: (84.4) 3768.9290

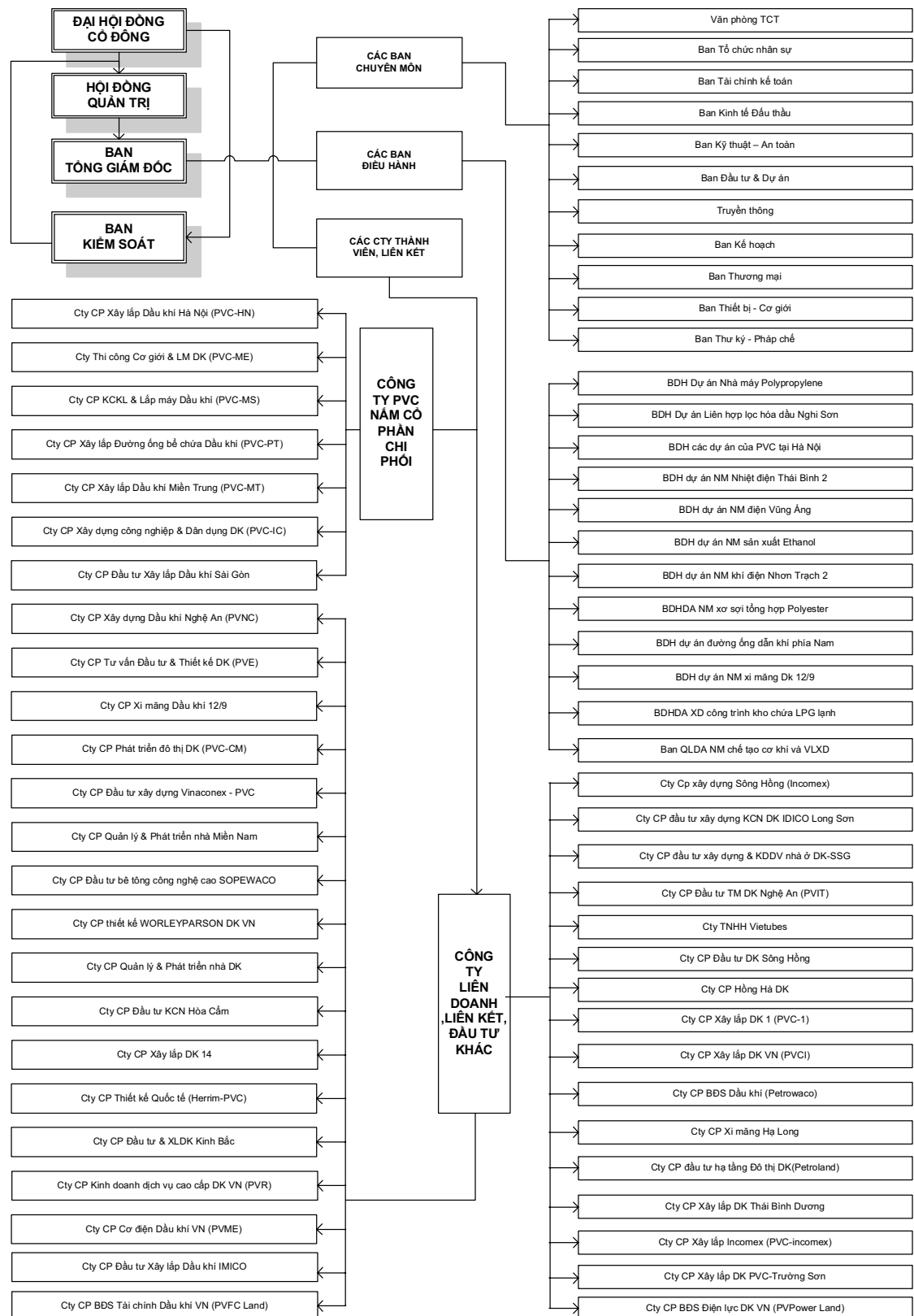
Website: www.pvc.vn

2.1. Các đơn vị trực thuộc:

- **Các công ty PVC nắm giữ cổ phần chi phối:** 07 Công ty
- **Các công ty PVC liên kết, đầu tư khác:** 33 Công ty

* Chi tiết về các đơn vị trực thuộc được trình bày tại mục 5.2 Công ty con, công ty liên doanh liên kết.

Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức Tổng Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua ngày 16/5/2009.

Bộ máy hoạt động của Tổng Công ty hiện nay bao gồm:

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

3.2. Hội đồng Quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Tổng Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01(một) Chủ tịch HĐQT, 01 (một) Phó Chủ tịch HĐQT và 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Tổng Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Tổng Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

3.3. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc.

3.4. Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty bao gồm 08 người: 01 Tổng Giám đốc và 07 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc uỷ quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3.5. Các Ban chức năng trong Tổng Công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có các Ban chức năng giúp việc như sau:

- **Văn Phòng:** Thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ hành chính quản trị Tổng Công ty bao gồm: công tác hành chính tổng hợp, quản trị văn phòng, văn thư, lưu trữ, công tác thanh tra, bảo vệ và dân quân tự vệ. Văn phòng là đầu mối phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo quy chế làm việc của cơ quan và các Quy chế, Quy định khác của Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - **Ban Tổ chức Nhân sự:** là ban chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc lãnh đạo Tổng Công ty trong việc sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, nghiên cứu, tổ chức sản xuất, quản lý thực hiện các mặt công tác về lao động tiền lương.
 - **Ban Kỹ thuật – An toàn:** là ban chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện công tác quản lý kỹ thuật chất lượng, quản lý tiến độ thi công các công trình, ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, công tác an toàn lao động, công tác ISO.
 - **Ban Tài chính Kế toán:** là ban chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức, thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Tổng Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế tài chính hiện hành của Tổng Công ty và Nhà nước.
 - **Ban Kinh tế Đấu thầu:** là ban chuyên môn tham mưu giúp việc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực: Công tác kế hoạch, công tác báo cáo thống kê, công tác kinh tế và quản lý Hợp đồng; Công tác tiếp thị-đấu thầu; Công tác thương mại và xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nội bộ.
 - **Ban Đầu tư và Dự án:** là ban chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực đầu tư và dự án..
 - **Ban Truyền thông:** là ban chuyên môn tham mưu, giúp việc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về các lĩnh vực: marketing truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tài trợ và tổ chức sự kiện, thông tin và truyền thông nội bộ.
 - **Ban Pháp chế:** là ban chuyên môn có chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực Pháp chế Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về mặt Pháp lý của các văn bản, Hợp đồng do Tổng công ty ký kết và các văn bản có tính Pháp quy của Tổng công ty.
 - **Ban Thương mại:** là ban chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực: Công tác đấu thầu mua sắm thiết bị, vật tư, hàng hoá,...và công tác thương mại
 - **Ban Kế hoạch:** là ban chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực: Công tác Kế hoạch, Chiến lược, Công tác báo cáo thống kê phục vụ quản lý điều hành của Tổng công ty.
- * **Các Ban điều hành:** là các ban trực thuộc Tổng Công ty, có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành công tác thực hiện các dự án; kiểm soát tiến độ, chất lượng của các dự án và các nhiệm vụ khác theo sự phân cấp của Tổng Công ty, gồm:
- Ban Điều hành dự án nhà máy nhựa Polypropylene

- Ban Điều hành dự án Khu liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn.
- Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2.
- Ban Điều hành dự án Nhà máy sản xuất Ethanol.
- Ban Điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng.
- Ban Điều hành dự án nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ban Điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội.
- Ban điều hành dự án nhà máy xơ sợi Polyester.
- Ban điều hành dự án đường ống dẫn khí Phía Nam.
- Ban điều hành dự án xây dựng công trình kho chứa LPG Lạnh.

4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

4.1. Cơ cấu cổ đông (đến ngày 29/12/2009):

TT	Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ /VĐL	Số tiền (Đồng)	Cổ phần tương ứng
	Vốn điều lệ	100%	1.500.000.000.000	150.000.000
1	Vốn Nhà nước (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	57,77%	866.518.500.000	86.651.850
2	Cổ đông khác	42,23%	633.481.500.000	63.348.150
	- Tổ chức:	28,41%	426.092.200.000	42.609.220
	+ Trong nước:	26,75%	401.232.200.000	40.123.220
	+ Nước ngoài:	1,66%	24.860.000.000	2.486.000
	- Cá nhân:	13,82%	207.389.300.000	20.738.930
	+ Trong nước:	13,70%	205.414.300.000	20.541.430
	+ Nước ngoài:	0,12%	1.975.000.000	197.500

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập (đến ngày 23/02/2010):

T T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMTND ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ tại TCNY (cổ phần)	Tỷ lệ trên VĐL (%)
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Cổ đông Nhà nước) <i>Đại diện:</i> - Trịnh Xuân Thanh	- Số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội - 10 lô C4, khu đô thị Nam Thăng Long, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	- 0106000811 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 30/11/2006 - 011492646 cấp ngày 06/11/2007 tại Hà Nội	79.051.850 24.000.000	52,7

- Vũ Đức Thuận	- Nhà M11, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	- 012197312 cấp ngày 31/7/2002 tại Hà Nội	19.051.850	
- Nguyễn Ngọc Quý	- Số 8 Lê Văn Lộc, P9, Vũng Tàu	- 273387800 cấp ngày 21/3/2007 tại Vũng Tàu	12.000.000	
- Bùi Tiến Thành	- K11B, Tập thể Bách Khoa, Q.Hai Bà Trưng, HN	- 131299633 cấp ngày 16/7/2003 tại Phú Thọ	12.000.000	
- Nguyễn Thị Thu Hường	- Số 2B ngõ 132/24/5 Phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	- 011604740 cấp ngày 27/10/2007 tại Hà Nội	12.000.000	
<u>Tổng cộng:</u>				

Nguồn: PVC cung cấp

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ (đến ngày 29/12/2009):

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD / CMTND ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ tại TCNY (cổ phần)	Tỷ lệ trên VDL (%)
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Cổ đông Nhà nước)	Số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	Số 0106000811 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 30/11/2006	86.651.850	57,7
2	Công ty cổ phần quản lý quỹ Lộc Việt	Số 1, Bà triệu , hoàn kiếm, Hà Nội	Số 26/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán cấp ngày 6/11/2007	8.628.800	5,75
3	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Tầng 8, 9 và 10, Tòa nhà Viet Tower, 198B Tây sơn, P.Trung liệt,Q. Đống Đa, HN	000055772 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/10/2009	7.499.900	5,00
4	Ngân hàng TMCP Đại Dương	199 Nguyễn Lương Bằng Phường Thanh Bình - TP Hải Dương	Số 0800006089 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Dương cấp ngày 12/03/1994	8.230.000	5,49
<u>Tổng cộng:</u>					74,01

Nguồn: PVC cung cấp

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:**

5.1. Công ty mẹ:

Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

5.2. Công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Tính đến thời điểm 31/01/2010, Tổng Công ty PVC có các đơn vị thành viên như sau:

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
I	Các Công ty PVC nắm cổ phần chi phối					
1	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Tầng 3, tòa nhà DETECH, số 15, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	100,00	55%	55,00	(*)
2	Công ty CP Thi công và Lắp máy Dầu khí	Phòng 107, nhà D5, Lô C, Đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	200,00	51%	102,00	(*)
3	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Số 33 - Đường Hai Bà Trưng – P.Lê Hồng Phong - Tp Quảng Ngãi	150,00	51%	76,5	50,00
4	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D - Đường 30/4 - Phường 9 - Tp Vũng Tàu	300,00	51%	153,00	50,00

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
5	Công ty CP Kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	35G Đường 30/4, P9, TP. Vũng Tàu	200,00	51%	102,00	50,00
6	Công ty CP Xây lắp Đường ống bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	Số 33 đường 30/4 - P9 - TP Vũng Tàu	200,00	51%	102,00	50,00
7	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	18 Bis Cộng Hoà, P4, Quận tân Bình, TP.HCM	50,00	59%	29,50	29,50
III	Các Công ty PVC liên kết, đầu tư khác					
1	Công ty TNHH Viettubes	Đường số 11, KCN Đông Xuyên, P.Rạch Dừa, Bà Rịa Vũng Tàu.	33,70	29,9%	10,09	10,09
2	Công ty CP Xây lắp DK Nghệ An (PVNA)	Số 45 - 47 Trần Phú- Vinh- Nghệ An	100,00	39,5%	39,545	39,545
3	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết Kế Dầu khí (PVEngineering)	Lầu 7, Toà nhà CT Plaza, 60A, Trường Sơn, P3, Q.TB, HCM.	80,00	40,5%	32,38	32,38
4	Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVCCM)	Số 3D Đường An Dương Vương, P7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	100,00	30%	30,00	30,00
5	Công ty Cổ phần Xi măng 12/9	Km62, Quốc lộ 1,Hội Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	200,00	35,3%	70,535	70,535
6	Công ty CP Bất động sản DK (Petrowaco)	52, Quốc Tử Giám, Văn	100,00	30%	30,00	30,00

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
		Miếu, Đống Đa, Hà Nội.				
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí	Khu nhà ở và dịch vụ NMLD DQ	55,00	40%	22,00	22,00
8	Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Miền Nam	Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	55,00	40%	22,00	22,00
9	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị DK (Petroland)	149, Nguyễn Cửu Vân, phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.	1.000,00	28,45%	284,48	284,48
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim	239, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.	8,50	44%	3,74	3,74
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex PVC	Tầng 10, tòa nhà CT3-3, Khu đô thị Mỹ Đình Hạ, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội.	20,00	50%	10,00	5,00
12	Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex	Số 6, Ngõ 168, Phố Hào Nam, P.Ô Chợ Dừa, Q.Đống Đa, HN	80,00	12,5%	10,00	10,00
13	Công ty cổ phần Cơ điện Dầu khí (PVME)	Tầng 4, Tòa nhà LOD, 38 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội	10,00	26,00	2,60	2,60
14	Công ty cổ phần Dịch vụ cao cấp Dầu khí (PVR)	Tầng 6, Tòa nhà Anh Minh, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	300,00	35,6%	106,95	106,95

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
15	Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí (PVFC Land)	Số 9, CT5, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	500,00	30,8%	153,90	153,90
16	Cty CP Đầu tư KCN DK IDICO Long Sơn	Lầu 2, số 236, Nguyễn An Ninh, Phường 7, Tp.Vũng Tàu.	827,22	14,5%	120,00	120,00
17	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng (Incomex)	Số 164 Lò Đúc – P. Đồng Mác – Q. Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội.	150,00	18%	27,00	13,50
18	Công ty CP Xi Măng Hạ Long	Xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.	982,00	15%	147,30	147,30
19	Công ty CP Đầu tư Bê tông công nghệ cao Sopewaco	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	80,00	12,8%	10,20	10,20
20	Công ty Thiết kế Worley Parsons DKVN	Số 10 Phố Quang, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh.	16,00	7%	1,12	1,12
21	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	Số 12, Cổ Loa, P.Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.	300,00	15%	45,0	29,70
22	Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	206A, Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	80,00	15%	12,00	6,00
23	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Số 12, Tecco, Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An	100,00	16%	16,00	16,00

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
24	Công ty CP Đầu tư khu CN Hoà Cầm	176, Đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	50,00	10%	5,00	5,00
25	Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí - IMICO	Tầng 4, Số 623 Đường La Thành, Thành Công, Ba Đình, Cầu Giấy, Hà Nội	100,00	5%	5,00	5,00
26	Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí - PVICI	P2207, toà nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.	100,00	15%	15	7,5
27	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 1	242, Quốc lộ 9, Đông Hà, Quảng Trị.	250,00	2%	5,00	5,00
28	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 4	Số 6, Ngõ 192, Đường Giải phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	25,00	10%	2,5	2,5
29	Công ty CP Đầu tư Thái Bình Dương	48B, Đặng Dung, P.Tân Định, Q1, HCM	20,00	10%	2,00	2,00
30	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC – Trường Sơn	Số 98, Đường Hữu Nghị, Đồng Hới, Quảng Bình	60,00	5,0%	3,00	3,00
31	Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Số 5, Lê Quý Đôn, Suối Hoa, Bắc Ninh	50,00	5,0%	2,5	2,5
32	Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	Tầng 3 , Đơn Nguyên 7, Cầu Thang 11 , Toà nhà CT5, Khu đô thị	500,00	28,0%	140,0	140,0

Stt	Đơn vị PVC tham gia góp vốn	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PVC tham gia góp vốn		Số vốn thực tế góp
				Tỷ lệ	Số tiền (tỷ đồng)	
		Mỹ Đình - Mễ Trì (Sông Đà) , Đường Phạm Hùng , Hà Nội				
33	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà ở Dầu khí - SSG	Phòng 719, toàn nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,0	25%	1,5	1,5

Nguồn: PVC cung cấp

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Giá trị dịch vụ của Tổng Công ty

Bảng 2: Doanh thu từng loại hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm

Sản phẩm, Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008				Năm 2009			
	Dthu (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Công ty mẹ		Hợp nhất		Công ty mẹ		Hợp nhất	
			Dthu (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Dthu (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Dthu (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Dthu (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Xây lắp	694,117	95.50%	671,194	65.95%	1,754,000	96.99%	1,887,743	87.55%	3,731,410	91.63%
2. Sản xuất công nghiệp							-	0.00%	60,518	1.49%
3. Tư vấn Xây dựng	-	0%	-	0.00%	11,914	0.66%	-	0.00%	6,686	0.16%
4. Kinh doanh bất động sản	-	0%	-	0.00%	-	0.00%	187,285	8.69%	-	0.00%
5. Kinh doanh nhà và hạ tầng							-	0.00%	187,285	4.60%
6. Cung cấp vật tư, thiết bị	28,519	3.92%	340,803	33.49%	-	0.00%	59,582	2.76%	6,231	0.15%
7. Dịch vụ	-	-	1,330	0.13%	-	-	1,630	0.08%	17,788	0.44%
8. Khác	4,180	0.58%	4,379	0.43%	42,586	2.35%	19,845	0.92%	62,193	1.53%
Tổng cộng	726,816	100%	1,017,706	100%	1,808,500	100%	2,156,085	100%	4,072,111	100%

Ghi chú: Số liệu doanh thu từng loại hình sản xuất kinh doanh do PVC cung cấp.

- Năm 2008 là năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động và lập Báo cáo tình hình theo mô hình hoạt động công ty mẹ - con. Các số liệu liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất của PVC chưa có số liệu tài chính năm trước để so sánh.

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Tổng Công ty là một đơn vị hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng nên nguồn nguyên liệu chủ yếu là vật liệu xây dựng. Từ thực tiễn các năm qua, các đơn vị đã thường xuyên ký hợp đồng mua vật tư với một số nhà cung cấp chính và ổn định sau:

STT	Tên công ty	Tính ổn định của nguồn cung cấp NVL
1	Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	Thường xuyên
2	Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát	Thường xuyên
3	Công ty TNHH sản xuất & xuất nhập khẩu Đồng Tâm	Thường xuyên
4	Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh vật tư C&T	Thường xuyên
5	Công ty Công nghệ và Thiết bị hàn	Thường xuyên
6	Công ty CP Đầu tư Xây dựng ECON	Thường xuyên
7	Công ty Kỹ thuật và Dịch vụ Satatec	Thường xuyên
8	Công ty CP Metroco Sông Hồng	Thường xuyên
9	Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECHE	Thường xuyên
10	Công ty TNHH Tbj XD và Chiếu sáng ĐT Tấn Phát	Thường xuyên
11	Công ty CP thép Miền Nam	Thường xuyên
12	Công ty CP thép Miền Bắc	Thường xuyên
13	Công ty CP Thiết Bị Xăng Dầu PETROLIMEX	Thường xuyên
14	Công ty Cổ phần Wei Xern Xin Việt Nam	Thường xuyên
15	Tổng Cty TNHH MTV Thương Mại dầu Khí (Petechim)	Thường xuyên

Nguồn: PVC cung cấp

6.2.2. Tính ổn định của nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho Tổng Công ty từ các nhà cung cấp chiến lược lâu dài và khá ổn định. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự biến động giá nguyên vật liệu, đặc biệt là vật liệu xây dựng theo chiều hướng ngày càng tăng khiến chi phí sản xuất của công ty tăng dần qua các năm. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty hoạt động chủ yếu là trong lĩnh vực xây dựng xây lắp, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn. Do đó, việc tìm kiếm và ký kết các Hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu với

các đối tác lớn giúp Tổng Công ty đảm bảo nguồn nguyên liệu và giá cả ổn định để đảm bảo tiến độ thi công các công trình.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp. Do vậy, sự biến động về giá cả của nguyên vật liệu xây dựng ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

6.3. Chi phí sản xuất:

Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty trong năm 2007, 2008 và 2009

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi phí	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu thuần	726,816,009	1,017,706,062	1,808,500,375	2,156,087,108	4,072,114,274
2	Giá vốn hàng bán	690,709,033	974,642,029	1,638,123,086	1,977,732,782	3,653,617,159
	- Tỷ trọng/ tổng doanh thu thuần	95.03%	95.77%	90.58%	91.73%	89.72%
3	Chi phí bán hàng	0	0	23,303	-	4,608,384
	- Tỷ trọng/ tổng doanh thu thuần	0.0%	0.0%	0.0013%	0.0000%	0.1132%
4	Chi phí quản lý DN	25,373,723	30,443,809	92,359,561	110,518,563	266,071,307
	- Tỷ trọng/ tổng doanh thu thuần	3.49%	2.99%	5.11%	5.13%	6.53%
5	Chi phí tài chính:	16,016,243	15,646,784	29,026,235	24,483,257	37,601,438
	- Tỷ trọng/ tổng doanh thu thuần	2.20%	1.54%	1.60%	1.14%	0.92%
6	Chi phí khác:	6,423,550	3,244,347	7,992,422	1,812,516	7,684,657
	- Tỷ trọng/ tổng doanh thu thuần	0.88%	0.32%	0.44%	0.08%	0.19%

Ghi chú:

- Số liệu năm 2007, 2008, 2009 được cung cấp từ BCTC của PVC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- *Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên không có chi phí bán hàng.*

6.4. Trình độ công nghệ:

Tổng Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và phục vụ công việc quản lý, đặc biệt là các thiết bị, phần mềm cho công tác thiết kế, xây dựng, các máy móc phục vụ thi công. Tổng Công ty thường xuyên cử cán bộ đi học, đào tạo nhân viên, tuyển dụng các kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm về làm việc cho Tổng Công ty để có thể sử dụng được thành thục và hiệu quả các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty là đơn vị tổng thầu EPC (Hợp đồng trọn gói bao gồm: thiết kế, thi công và lắp đặt thiết bị) rất nhiều các dự án trong và ngoài ngành dầu khí như: các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, lắp đặt các hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hoá trong các nhà máy công nghiệp; Là đơn vị đầu tiên của Việt Nam chế tạo thành công chân đế và giàn khoan trên biển; Thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hoá lỏng, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ, gia công ren ống, sản xuất kết cấu thép, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan thăm dò và khai thác dầu khí, sử dụng các thiết bị cơ khí có độ chính xác cao như các loại máy hàn bồn tự động và bán tự động, máy gia công cắt gọt, máy khoan, uốn ống, máy phục vụ chống ăn mòn, máy nén khí, máy phun sơn, máy bơm nước áp lực cao, các loại cần trục trong nhà, ngoài trời, máy ép thủy lực, gối xoay điều chỉnh, máy lốc tôn, máy vê chòm cầu có đường kính lớn. Trong thời gian vừa qua Tổng Công ty đã tổ chức thi công các công trình toà nhà cao tầng có từ 2 tầng hầm trở lên với công nghệ tiên tiến khoan cọc nhồi, cọc barrette, tường vây và đã khẳng định được vị trí của mình là một nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực thi công phần móng, tầng hầm các công trình nhà cao tầng .v.v.

Để nâng cao năng lực thi công, mới đây Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư đề án nâng cao năng lực thiết bị thi công có tổng mức đầu tư 539 tỷ đồng với một hệ thống thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và công việc quản lý, đặc biệt là các thiết bị, phần mềm cho công tác thiết kế, xây dựng, các máy móc phục vụ thi công san lấp mặt bằng, máy móc thi công nền móng chuyên dụng, máy khoan cọc nhồi vào đá có đường kính lớn từ 1,5-2,5m, máy đào tường vây có chiều rộng hố đào tới 1,5m, chiều sâu tới 60m, các loại cần trục có sức nâng trên 250 tấn, các dây chuyền sản xuất bê tông tươi như trạm trộn bê tông, xe vận chuyển bê tông, xe bơm bê tông, dây chuyền hàn bồn tự động.v.v.

Bảng 4: Năng lực máy móc thiết bị

	Tên thiết bị	SL	Nước SX	Năm SX	Thông số kỹ thuật
1	Máy hàn tự phát, máy hàn tự động, máy hàn 1 chiều, máy hàn điện	198	Ý, Mỹ, Thụy Điển, Nhật, Úc	1994-2007	380V - 120A, 380V-315A
2	Máy Biến áp hàn	19	Mỹ, Thụy Điển,	1998 -2001	400A - 600A
3	Tủ sấy que hàn	31	Malaysia, Mỹ, HQ	1997 -2007	380V-400 ⁰ c
4	Máy cắt	73	Nhật, Mỹ, Ý	1992 -2007	220V-50HZ
5	Máy khoan	42	Mỹ, Đức, Nhật	1994 -2007	Dmax =2000
6	Máy nén khí	21	Nhật, Nga, Ý	1992-2007	820 lít/ph
7	Máy phun sơn	20	Mỹ, Anh, Ý,	1993-2004	20kg/Cm2

	Tên thiết bị	SL	Nước SX	Năm SX	Thông số kỹ thuật
8	Máy bơm nước	10	Anh, Đức, Ý	1994 - 2006	19KW-200m ³ /h
9	Máy đoàn đặc	13	Nhật, Thụy Điển	1999-2007	Độ chính xác 5’’-7’’
10	Máy kinh vĩ	9	Đức Nhật, Nga	1997-2000	360°, 1’’
11	Máy thủy Bình	9	Nhật Đức, VN	1999-2000	Độ phóng đại 20X
12	Thiết bị đo kiểm	126	Anh, Mỹ, Đức, Nhật	2002-2004	
13	Trạm trộn Bê tông	8	Việt Nam, Đức	2003-2008	33m ³ -90m ³ /h
14	Máy trộn bê tông	27	Ý, VN, TQ	2003-2005	250-1000L
15	Máy đầm bàn	38	Nhật, Anh,	2000-2007	500kg/Diezel
16	Máy xúc	9	Nhật, Liên Xô	1984-2004	Gầu 2.3m ³
17	Máy ủi	8	Nhật, Ý, Liên Xô	1986-2004	117 KW
18	Máy lu	07	Nhật, Trung Quốc	1981-2003	12 -18 tấn
19	Máy đào	20	Nhật, Mỹ, HQ	1993-2008	0,9m ³ -1,6m ³
20	Máy phát điện	13	Mỹ, Nhật, Pháp	1995-2007	25-KVA – 119 KVA
21	Máy vận thăng	13	Nhật, Pháp, VN	1996-2006	500 kg, 21m/ph, 16m
22	Cầu trục	8	Việt Nam. TQ	2005-2008	5 tấn – 7 tấn
23	Xe cẩu	33	Nhật, Hàn Quốc, VN	1994-2006	1,5tấn -50tấn
24	Xe đầu kéo	6	Liên Xô, HQ, Nhật	2002	5 tấn – 40 tấn
25	Xe bơm bê tông	11	Nhật, TQ, LX	1987-2006	28-55m ³ /h
26	Xe ô tô tự đổ	44	LX, Nhật, HQ	1984-2004	15 tấn
27	Xe ô tô con	32	Nhật, VN, LX	1987-2000	4-32 chỗ

CÁC TRANG THIẾT BỊ THI CÔNG MỚI ĐẦU TƯ

TT	Tên máy thi công	Số lượng	Nước sản xuất	Công suất
I. TRẠM, DÂY CHUYỀN, MÁY TRỘN				
1	Trạm trộn bê tông ướt xi măng 60m ³ /h	1 trạm	Việt Nam	60m ³ /h
2	Trạm trộn bê tông 90m ³ /h	1 trạm	Việt Nam	90m ³ /h
II. THIẾT BỊ NÂNG HẠ				
1	Cầu tháp các loại	9 chiếc	Trung Quốc	6 tấn – 8 tấn
2	Cầu bánh xích	3 chiếc	Nhật Bản	80tấn
3	Cầu bánh xích	1 chiếc	Nhật Bản	100 tấn

4	Cầu bánh lốp 50 tấn	2 chiếc	Trung Quốc	50 tấn
5	Cầu bánh xích	1 chiếc	Nhật Bản	250 tấn
6	Cầu bánh lốp 30 tấn	3 cái	Nhật Bản	30 tấn
III. THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG				
1	Máy lu rung Sakai	10 máy	Nhật Bản	16-25 tấn
2	Máy ủi Komatsu	5 máy	Nhật Bản	150-20HP
3	Máy san gạt Hiệu Ly	5 máy	Trung Quốc	200-220 HP
4	Máy đào bánh xích Hitachi	3 máy	Nhật Bản	0.91 m ³
5	Máy đào thủy lực Gầu 0.91m ³	3 máy	Nhật Bản	0.91m ³
6	Máy đào bánh xích	10máy	Nhật Bản	1.6-2.2 m ³
7	Máy đào tường vây Bauer GB34	2 máy	Trung Quốc	Chiều rộng hố đào:1,5m. Chiều sâu: 60m
8	Máy khoan cọc nhồi vào đất	2 máy	Trung Quốc	Chiều sâu khoan 56m
9	Máy nén khí di động Kaeser	8 máy	Đức	22.6m ³ /h
10	Xe Ben tự đổ	60 xe	Nhật Bản	20-25 tấn
11	Xe bơm bê tông	3 xe	Mỹ	tầm với 36m
12	Giàn búa đóng cọc	2 giàn	Trung Quốc	Chiều sâu đóng tối đa:25m Lực đóng:350KN
13	Máy bơm bê tông và cần phân phối PUTZMEISTER	4 máy	Đức	Công suất bơm 95m ³ /h
14	Máy khoan cọc nhồi vào đá Bauer BG25 C-BT70	1 máy	Trung Quốc	Chiều sâu khoan 60m, đường kính khoan 2m



Trên công trường Nhà máy lọc hóa Dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Trong các năm qua, Tổng Công ty không ngừng nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ, các nghiên cứu mới cải tiến phương tiện sản xuất, chuẩn hóa phương pháp thi công đẩy nhanh tiến độ và chủ động đầu tư các trang thiết bị hiện đại với công nghệ tiên tiến đáp ứng quá trình phát triển không ngừng của Tổng Công ty nói riêng và của ngành Dầu khí nói chung.

Tổng Công ty đang chuẩn bị nghiên cứu đầu tư sản xuất các loại vật liệu tiên tiến phục vụ xây lắp như: vật liệu bê tông nhẹ, thép phi tiêu chuẩn, cửa chống cháy.v.v. .

Để đáp ứng được xu thế hội nhập của đất nước cũng như xu hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cũng không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và lĩnh vực kinh doanh để phát triển thành một trong những đơn vị xây lắp hàng đầu tại Việt Nam.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Quy trình thi công xây lắp của Tổng Công ty luôn luôn được kiểm tra chặt chẽ bởi giám sát chủ đầu tư, giám sát tư vấn thi công và giám sát của đơn vị thi công. Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình luôn luôn được chú trọng, phù hợp với các quy định của Nhà nước ban hành.

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty tiến hành triển khai nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực tế hiện tại ở các phòng ban/đơn vị/đội sản xuất và đã xây dựng được hệ thống văn bản quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000. Hệ thống văn bản quản lý chất lượng bao gồm:

- Sổ tay chất lượng;
- Các quy trình áp dụng;
- Các quy định về quyền hạn và trách nhiệm vị trí công việc;
- Các văn bản hướng dẫn công việc;
- Biểu mẫu chỉ dẫn kèm theo các quy trình.

Việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp, thống nhất là nhiệm vụ bắt buộc phải thực hiện đối với Tổng Công ty, các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty hay công tác quản lý chất lượng các phần việc thuộc Tổng quản lý khi các đơn vị ngoài Tổng khi tham gia các hoạt động xây lắp.

Hệ thống văn bản quản lý chất lượng của Tổng Công ty đã được Tổ chức đánh giá chất lượng Bureau Veritas cấp giấy chứng nhận về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 ngày 04/02 /2010:

6.7. Hoạt động marketing:

“PVC – NHÀ THẦU TIÊN PHONG”

Là một đơn vị dịch vụ, công tác marketing luôn được Tổng Công ty chú trọng và quan tâm triển khai đồng bộ từ cấp Tổng Công ty đến các đơn vị trực thuộc, gồm việc duy trì và xây dựng

quan hệ với khách hàng, quảng bá thương hiệu, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng mức giá cạnh tranh.v.v.

6.7.1. Khách hàng và đối thủ cạnh tranh:

Những năm qua, chất lượng và năng lực dịch vụ xây lắp của Tổng Công ty ngày một nâng cao, tạo một vị thế vững chắc trong thị trường xây lắp chuyên ngành dầu khí tại Việt Nam. Tổng Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng và được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, kỹ, mỹ thuật công trình. Khách hàng tiềm năng của PVC là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tập đoàn như Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, Tổng Công ty Khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí.v.v.

Đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty chủ yếu là các Tổng Công ty nhà nước hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và các nhà thầu nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm và năng lực kỹ thuật cao. Tuy nhiên với sự đầu tư không ngừng để phát triển nguồn nhân lực trình độ cao và năng lực thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiên tiến, Tổng Công ty đã chủ động cạnh tranh với các đối thủ trong thị trường dầu khí. Với một số lĩnh vực mới mà khả năng của Tổng Công ty còn yếu, Tổng Công ty đã chủ động liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và nước ngoài để thực hiện.

6.7.2. Quan hệ công chúng và quảng bá thương hiệu:

Tổng Công ty thực hiện công tác quảng bá thương hiệu của mình bằng nhiều hình thức khác nhau:

- Qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về tiến độ, chi phí, chất lượng và an toàn.
- Qua trang web www.pvc.vn để đưa thông tin đến với khách hàng.
- Xây dựng các biển quảng cáo trên các quốc lộ, xây dựng hàng rào thương hiệu tại các công trình Tổng Công ty thi công nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu PVC.
- Tham gia các hội chợ triển lãm, các hội thảo chuyên ngành.v.v.
- Thông qua các ấn phẩm brochure, bản tin nội bộ, quảng cáo trên báo chí.v.v.
- Qua các hoạt động thể thao, văn hoá với đối tác, khách hàng
- Thực hiện các chương trình từ thiện, đóng góp với cộng đồng xã hội

6.7.3. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế, bản quyền:

Hiện Tổng Công ty đang sử dụng biểu tượng thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam và tên viết tắt PVC (PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation).



6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

Bảng 5: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên Dự án/ công trình	Số/ ngày ký hợp đồng	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Giá trị thực hiện
I	Các Hợp đồng ký kết năm 2008				4.404.859
1	EPC nhà máy nhựa Polypropylene – Dung Quất	063/DQR-HEC ký ngày:29/11/07	29/11/2007	30/4/2010	557.000
2	Công trình tổng kho khí hoá lỏng Miền Bắc - Gói thầu: Xây lắp CT (GĐ1)	22/2008/KMB/BQLDA-PVC/X1 ký ngày:18/1/08	23/1/2008	28/3/2009	52.596
3	Kho trung chuyển miền trung và tây nguyên	032/HĐKT-BQLĐTXD ký ngày:22/1/08	22/1/2008	27/7/2008	39.023
4	Kho xăng dầu Cù Lao Tào	26/CBKDD-PVC/01-08/K ký ngày:22/1/08	22/6/2007	21/2/2009	351.852
5	Đường vào nhà máy PL 14 - GT điều chỉnh (KĐĐCM)	PL14 ký ngày:28/1/08	28/1/2008	30/4/2008	10.357
6	San lấp mặt bằng nhà máy đạm Cà Mau	121/2008XD/C PMB-PVC ký ngày 01/2/08	2/01/2008	30/4/2008	83.782
7	Quỳnh lưu Plaza	11-QLXD/2008/HĐKT/PVPowerl and-PVC ký ngày 16/4/08	4/10/2008	31/10/2008	18.770
8	Trung tâm tài chính dầu khí 22-Ngô Quyền	40/2008/HĐ-BPB ký ngày:20/5/08	20/5/2008	9/02/2009	266.324
9	Thi công san lấp mặt bằng cho PV Shipyard thuê (Cảng Sao Mai Bến Đình)	15/PVSB-PVC/07-08/M ký ngày:18/7/08	18/7/08	31/10/2008	137.825
10	Gói thầu TC xây lắp - Công trình kho chứa đạm Cần Thơ	08/2008/KMN-PVC/KĐ-G3 ký ngày:21/07/08	13/06/2008	13/9/2008	19.500
11	Dự án toà nhà VINAFOOD	09/TCTLTMB-BQLDA-HD ký ngày:30/07/08	30/7/08	15/1/2010	135.746
12	Gói thầu 25b: " Thi công xây dựng khu nhà ở công vụ cho CBCNV vận hành nhà máy - tiểu khu 1"-NM nhiệt điện NT1	109/2008/PVPO WER-LD.PVC-COWAELMIC ký ngày 31/7/08	31/7/2008	31/5/2009	42.153
13	San lấp Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch II	08/2008/PVNT2 -PVC ký ngày:12/8/08	15/6/2008	15/10/2008	122.980
14	Dự án khách sạn dầu khí Vũng Tàu				
	+ Thi công phần cọc	350/2008/HĐ-DKVN ký ngày:11/1/08	11/01/2008	3/11/2008	10.766
	+ Thi công móng và tầng hầm	4745/2008/HĐ-DKVN ký ngày:4/7/08	20/3/2008	23/7/2008	37.974

	+ Thi công phần KC thân và HT M&E	350/2008/HĐ-DKVN ký ngày:01/11/08	25/7/2008	30/6/2009	123.340
	+ Thi công phần còn lại	3860/2009/HĐ-DKVN ký ngày:28/5/09	4/01/2009	30/6/2009	106.386
	+ Di dời trạm BA 800 KVA-22/0,4KV	2954/2009/HĐ-DKVN ký ngày 24/4/09	5/04/2009	7/02/2009	1.551
15	Kênh xả nước dùng chung của TT nhiệt điện Nhơn Trạch (1&2)	108/2008/PVPOWER-PVC-CC1 ký ngày 31/7/08	31/7/2008	31/10/2008	107.484
16	Lọc hoá dầu Nghi Sơn				
	+ Công trình tạm PV san lấp	17/2008/HĐ-LDNS ký ngày 18/7/08	18/7/2008	18/11/2008	11.821
	+ Thi công san lấp mặt bằng Nhà máy	27/2008/HĐ-LDNS ký ngày 25/11/08	25/11/2008	31/12/2009	333.739
17	Viện Dầu khí				
	+ Thi công phần cọc thử	01-KH/2008/HĐ-BPB ký ngày:01/8/08	8/05/2008	8/12/2008	566
	+ Thi công phần cọc đại trà và tường vây	68/2008/HĐ-BPB ký ngày:18/8/08	6/10/2008	30/9/2008	94.716
	+ Thi công móng và tầng hầm	18/2009/HĐ-BPB ký ngày:6/03/09	28/10/2008	31/5/2009	87.669
	+ Thi công phần KC thân và HT M&E	22/2009/HĐ-BPB ký ngày:3/04/09	6/01/2009	30/6/2010	626.117
18	Thi công cải tạo khách sạn Phương Đông				
	+ Cải tạo nâng cấp mặt đứng khối ngủ & thang máy	368/2008/HĐXD/PTC-PVC ký ngày:5/06/08	6/08/2008	11/08/2008	27.499
	+ Cải tạo nâng cấp đường dây 22KV và trạm BA 1250 KVA-22/0,4 KV	929/2008/HĐXD/PTC-PVC ký ngày:6/10/08	10/09/2008	31/12/2008	6.495
	+ Cải tạo nâng cấp & mở rộng khối dịch vụ, bể bơi	936/2008/HĐXD/PTC-PVC ký ngày:8/10/08	10/11/2008	31/12/2008	23.779
	+ Sản xuất cung ứng lắp đặt nội thất nhà hàng Massage....	935/2008/HĐXD/PTC-PVC ký ngày:8/10/08	10/11/2008	31/12/2008	10.632
	+ Sản xuất cung ứng lắp đặt nội thất khối ngủ	160-A/2008/HĐXD/PTC-PVC ký ngày: 18/11/08	18/11/2008	28/2/2009	7.055
19	Xử lý nền, san lấp mặt bằng 16ha thuộc cụm công trình khí tại kho cảng Thị Vải	193/2008/PVGD/AS-XD/PVC/X1 ký ngày:24/12/08	25/12/08	23/5/2009	104.916
20	Dự án Tổ hợp khách sạn Dầu khí				
	+ Thi công hàng rào tạm công trường	56/2008/HĐ-BPB ký ngày:28/8/08	9/01/2008	25/10/2008	2.258
	+ Thi công phần cọc	68/2008/HĐ-BPB ký ngày:3/11/08	11/10/2008	15/12/2008	2.416

	+ Thi công XD tường vây khối căn hộ	15/2009/HĐ- BPB ký ngày:23/02/09	3/03/2009	7/03/2009	42.500
21	Dự án Kho chứa LPG Gò Dầu	01/2009/PVGA S_S-PVC ký ngày:16/01/09	16/1/09	31/11/2009	167.760
22	Khu nhà điều hành và nhà ở công vụ Ban QLDA Khí Điện Đạm CM - Giai đoạn 3	141/2008- XD/CPMB- PVC ký ngày:29/09/08	29/9/08	30/3/2011	277.073
23	Dự án trung tâm tài chính dầu khí Đà Nẵng	05/2008/HDD- PVFC- PVC/XL01 ký ngày:04/11/08	4/11/08	25/9/2010	183.140
24	HĐ liên danh TC V/v nhà làm việc bộ máy điều hành xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro. Gói thầu 01: Xây dựng	1026/T/N3- VSP7 PVC- VINACONEX ký ngày:18/12/08	18/12/08	25/4/2010	169.300
II	Công trình ký kết năm 2009				5.130.778
1	Toà nhà Dầu khí Nghệ An	06/2009/HĐ- PVIT ký ngày:23/02/09	1/01/2008	31/12/2010	451.698
2	Dự án Khu nhà ở Dầu khí huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	01/2009/PW- HĐTC ký ngày:26/02/09	26/02/09	30/4/2009	3.193
3	Dự án Mở rộng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè giai đoạn 2	127/PVOil.ĐTX DD - PVC ký ngày:06/03/09	6/3/09	31/12/2009	100.386
4	DA Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng	09/HĐ- PETROLAND ký ngày:06/03/09	15/12/2008	31/12/2010	570.000
5	Thi công Xd và Cung ứng lắp đặt thiết bị, hoàn thiện CT và HTKT - Công trình Rạp Kim Đồng	88/2009/HĐ- BPB ký ngày:29/04/09	4/12/2009	9/03/2010	128.950
6	Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2				
	+ Thi công san lấp mặt bằng TT điện lực Thái Bình	49/2009/PVPow er -PVC ký ngày:20/03/09	20/3/2009	30/11/2009	297.451
	+ Thi công XD đường vào TT điện lực Thái Bình	50/2009/PVPow er -PVC ký ngày:20/03/09	20/3/2009	3/11/2010	38.684
7	Dự án đầu tư xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí	11/09/QLXAX D/HĐ-XL ký ngày:26/03/09	30/03/09	8/06/2009	27.640
8	Dự án NM Điện chu trình Hồn hợp Nhơn Trạch 2 (PVC thực hiện: 70,998,633 USD)	09/PVNT2- LILAMA- PVC/EPVC- 2009 ký ngày:9/04/09	29/4/2009	29/2/2011	1.277.975
9	Dự án Kho chứa LPG và Trạm xuất xe bồn tại Dung Quất (69.484.354.000 và 3.246.529USD)	42/2009/PVGA S/DAK- PVC/D2 ký ngày:21/04/09	21/04/09	21/06/2010	127.922
10	TC san lấp và xử lý nền dự án khu điều hành cụm CT kho cảng Thị Vải	45/2009/KVT- PVC/TMHĐ/X1 ký ngày:24/03/09	24/03/09	11/10/2009	7.978

11	TC xây lắp Dự án Khu nhà tạm tại công trường của cty CP Hoá dầu và xơ sợi DK	07/2009HĐ-PVTEX-PVC ký ngày:19/05/09	21/5/09	21/7/2009	6.288
12	Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester Đình Vũ (PVC thực hiện: 55,750,000 USD)	0068/PVTex.HE C ký ngày:14/05/09	7/01/2009	31/7/2011	1.103.850
13	Công trình Trụ sở Bộ Nội vụ	127/2009/HĐK T ký ngày 08/6/2009	30/04/2009	22/12/2010	395.058
14	Nhà máy sản xuất cộn và nhiên liệu sinh học phía Bắc (59.177.000 usd)	Theo thỏa thuận HĐ EPC ký ngày 10/6/2009	21/06/2009	21/12/2010	1.171.705
15	Công trình Nhà máy điện Vũng Áng	280909/LILA MA-PVC	28/09/2009		1.322.000
III	Các công trình đang thực hiện đàm phán ký kết hợp đồng				
1	Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn(120.000.000 USD)				
	Tổng cộng (I + II + III)				9.535.637

Nguồn: PVC cung cấp

6.9. Hoạt động đầu tư của Tổng Công ty.

6.9.1. Hoạt động đầu tư trực tiếp:

Hiện tại, Tổng Công ty đang tập trung triển khai thực hiện một số dự án lớn và trọng tâm sau:

- **Các dự án nâng cao năng lực xây lắp chuyên ngành:**

a/ Dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng 10 ha Nghi Sơn:



Trụ sở Ban quản lý nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng 10 ha Nghi Sơn

- Chủ đầu tư:	- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Địa điểm:	- Khu công nghiệp số 2 (lô số 9), khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hoá

- Quy mô dự án:	- Dự án được xây dựng trên quy mô 10 ha, với mục tiêu là: Đầu tư xây dựng xưởng gia công, chế tạo, lắp ráp kết cấu thép: 5000 tấn/năm; Trạm trộn bê tông thương phẩm 300.000 m ³ /năm; Xưởng sửa chữa cơ khí và bãi tập kết phương tiện thi công; Khu điều hành tổng thầu thi công Liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn.
- Tổng mức đầu tư:	- 148 tỷ đồng, Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có : 30% ; + Vốn vay Ngân hàng thương mại: 70%
- Lợi ích và hiệu quả	- Đáp ứng nhu cầu sử dụng VLXD của Tổng công ty và các đơn vị thành viên cho các dự án, công trình trong giai đoạn này cũng như thời gian tới là rất cao và cần thiết. - Giúp giảm thời gian và tiết kiệm chi phí. - Ngoài ra, việc đầu tư vào dự án này cũng rất phù hợp với định hướng phát triển sản xuất công nghiệp chuyên ngành trong thời gian tới của Tổng công ty và của Tập đoàn. - Hiệu quả kinh tế: + Doanh thu bình quân: 312 tỷ + Lợi nhuận bình quân: 18,6 tỷ + NPV : 81,8 tỷ. + Hệ số hoàn vốn IRR: 22,28%. + Thời gian hoàn vốn 7,7 năm
- Tình hình thực hiện dự án:	Tính đến thời điểm hiện nay, về cơ bản công tác chuẩn bị đầu tư của dự án đã và đang được Tổng công ty từng bước hoàn thiện. Dự kiến dự án sẽ được khởi công xây dựng vào tháng 3/2010, cụ thể: - Ngày 17/11/2009, tại Quyết định số 986/QĐ-XLKD, Tổng công ty PVC đã chính thức thành lập Ban quản lý dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng để điều hành và thực hiện dự án; - Ngày 30/12/2009, tại Quyết định số 4710/QĐ-UBND, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chính thức thu hồi đất tại xã Hải Yến và xã Tĩnh Hải để UBND huyện Tĩnh Gia tổ chức bồi thường GPMB và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp phục vụ dự án xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất VLXD; - Ngày 03/02/2010, tại Quyết định số 438/QĐ-UBND, UBND huyện Tĩnh Gia đã chính thức phê duyệt dự toán bồi thường GPMB 6,7 ha đất thuộc thôn Trung Sơn, xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia (đợt 1) phục vụ việc xây dựng dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất VLXD. Công tác xây dựng phương án GPMB toàn bộ dự án và chi trả tiền đền bù tới các đối tượng chịu tác động của dự án theo quy định dự kiến sẽ được Chủ đầu tư hoàn tất trong Quý I/2010.

	- Từ tháng 4 đến tháng 8/2010, Tổng công ty sẽ hoàn tất công tác xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhà xưởng, các hạng mục phụ trợ ... để chính thức đưa dự án vào khai thác, hoạt động.
--	---

b/ Dự án nhà máy sản xuất ống thép Dầu khí – thuộc Khu căn cứ dịch vụ Hàng Hải Dầu khí Sao Mai, Bến Đình, Vũng Tàu.



Nhà máy sản xuất ống thép Dầu khí

- Chủ đầu tư:	- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí (PVC – MS)
- Địa điểm:	- Khu căn cứ dịch vụ Hàng Hải Dầu khí, Sao Mai, Bến Đình, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.
- Quy mô dự án:	- Diện tích khu đất nghiên cứu: 85.000 m ² - Quy mô công suất: 100.000 tấn/năm. - Quy mô công nghệ của nhà máy: dây chuyền công nghệ sản xuất ống là dây chuyền hệ thống hiện đại được nhập từ nước ngoài.
- Tổng mức đầu tư:	- TMĐT: 1.490 tỷ đồng, trong đó dự kiến: + Vốn các doanh nghiệp trong nước: 70% TMĐT (dự kiến, Tổng PVC 40% và PVGas 30%) + Vốn các đối tác nước ngoài: 30% TMĐT
- Lợi ích và hiệu quả	- Theo chiến lược phát triển ngành Dầu khí từ nay đến năm 2025, nhu cầu tiêu thụ ống thép hàn thẳng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như đường ống dẫn Dầu, khí, chế tạo giàn khoan, khối thượng tầng, chế tạo khối chân đế và các hệ thống đường ống công nghệ trong các nhà máy lọc – Hoá Dầu, hoá chất.

	- Theo như quy hoạch ngành công nghiệp khí thì nhu cầu xây dựng các đường ống dẫn khí trong tương lai là rất lớn. Giai đoạn 2010 đến 2015 nhu cầu ước tính khoảng 292.179 tấn ống thép, giai đoạn 2016 đến 2025 nhu cầu ước tính khoảng 298.271 tấn ống thép. - Hiệu quả đầu tư của dự án: + Lãi ròng NPV: 285 tỷ đồng. + Hệ số hoàn vốn IRR: 15,4 % + Thời gian hoàn vốn: 6,61 năm.
- Tình hình thực hiện dự án:	- Về công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà máy: Tổng công ty PVC đã thống nhất với Công ty cổ phần đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình để thống nhất vị trí đầu tư dự án; Hiện PVC đang tiến hành san lấp mặt bằng - Tổng công ty PVC đã và đang tiến hành khảo sát, đánh giá và lựa chọn dây chuyền công nghệ sản xuất phù hợp, đồng thời đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án. - Dự kiến, Dự án sẽ được khởi công trong năm 2010.

• **Các dự án đầu tư Bất động sản:**

a/ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị trường Đại học Dầu khí Vĩnh Phúc (giai đoạn 1):



Dự án khu đô Dầu khí Vĩnh Phúc

- Chủ đầu tư:	- Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Địa điểm:	- Thuộc địa phận thành phố Vĩnh Yên, huyện Tam Dương và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Quy mô dự án:	- 72,21 ha, trong đó: + Khu đô thị A: 9,87 ha

	+ Khu đô thị B: 23,65 ha + Khu đô thị C: 26,48 ha + Khu nhà ở cho chuyên gia và CBGV: 12,21 ha.
- Tổng mức đầu tư (giai đoạn 1):	- TMĐT xây dựng hạ tầng: 544,022 tỷ đồng, trong đó, + Vốn tự có : 20% + Vốn huy động : 40% + Vốn vay : 40%
- Lợi ích và hiệu quả	- Góp phần hoàn thiện quy hoạch chung phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung , thành phố Vĩnh Yên nói riêng. - Hình thành tổ hợp không gian quy hoạch kiến trúc có sự hài hoà chung về kiến trúc, cảnh quan , môi trường, kết nối và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Vĩnh Yên. - Tạo lập một không gian đô thị mới, hiện đại, tiện nghi, đáp ứng và phục vụ nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu, học tập, rèn luyện thể chất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trường đại học Dầu khí Việt Nam. - Góp phần thêm vào quỹ đất ở, văn phòng làm việc cho CBCNV thuộc trường Đại học Dầu khí nói riêng và tỉnh Vĩnh Phúc nói chung – Góp phần vào việc phát triển kinh tế thương mại trong chiến lược phát triển kinh tế toàn tỉnh Vĩnh Phúc, xây dựng quần thể công trình kiểu mẫu với tiêu chuẩn cao, tạo được môi trường và điều kiện sống ổn định cho người dân đô thị. - Góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 cũng như các năm tiếp theo của Tổng công ty. - Hiệu quả kinh tế của dự án: + Lợi nhuận sau thuế: 85,59 tỷ đồng. + Giá trị hiện tại ròng (NPV 11%): 19,41 tỷ đồng. + Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR: 15,49 % + Thời gian hoàn vốn dự án: 4,3 năm.
- Tình hình thực hiện dự án:	- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chấp thuận chủ trương nghiên cứu lập báo cáo đầu tư xây dựng và kinh doanh HTKT dự án và đang hoàn thiện các thủ tục đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao Tổng PVC là chủ đầu tư thực hiện dự án.

b/ Dự án khu đô thị Hoài Đức – Hà Nội:



Dự án khu đô thị Hoài Đức

- Chủ đầu tư:	- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Địa điểm:	- Thuộc xã Đông La, La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội
- Quy mô dự án:	- 190 ha
- Tổng mức đầu tư:	- TMĐT dự kiến: 450 tỷ đồng (bao gồm cả đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng)
- Lợi ích và hiệu quả	- Tạo ra một khu đô thị mới với hạ tầng xã hội đồng bộ và hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hài hoà trong tổng thể chuỗi các khu đô thị và các quy hoạch của Hà Nội (Hà Tây cũ) . - Cung cấp thêm quỹ nhà ở chất lượng cao; phát triển hệ thống công trình dịch vụ dịch vụ công cộng, hạ tầng xã hội ... đáp ứng nhu cầu của dân cư trong khu vực và các vùng phụ cận.
- Tình hình thực hiện dự án:	- Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được hoàn thiện, hiện đang được Sở Quy hoạch Kiến Trúc xem xét, thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt. Dự kiến, đồ án quy hoạch sẽ được UBND Thành phố phê duyệt trong năm 2010.

c/ Dự án khu Tổ hợp khách 5 sao Mỹ Đình:



Dự án khu Tổ hợp khách 5 sao Mỹ Đình

- Chủ đầu tư:	- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam – SSG – PVI – Ocean Bank
- Địa điểm:	- Lô đất X3, CV4, xã Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
- Quy mô dự án:	- Tổng diện tích khu đất: 3,82 ha - Diện tích xây dựng: 9000m ² - Tổng diện tích sàn: 192.000m ² - 2 tầng hầm/30 tầng (Khách sạn, Căn hộ); 2 tầng hầm/24 tầng (Văn phòng)
- Tổng mức đầu tư:	- 7.373 tỷ VNĐ
- Lợi ích và hiệu quả	- Công trình được xây dựng trên diện tích 3,82 ha. Đây là dự án nằm trong cụm công trình 25 ha do PVN đầu tư gồm khách sạn, tòa tháp đôi trung tâm thương mại quốc tế cao khoảng 102 tầng, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí... Các tòa tháp được liên kết với nhau trong mối liên hệ tự nhiên và sinh thái có bể bơi, sân quần vợt, khu sân vườn... - Tổ hợp khách sạn Dầu khí Việt Nam ra đời sẽ góp phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, tạo quỹ khách sạn cao cấp cho Thành phố Hà Nội. Nằm trong quần thể khu công viên Mỹ Trì, gần với Trung tâm Hội nghị quốc gia, Khu liên hợp thể thao quốc gia, Khu công viên động vật hoang dã... Tổ hợp khách sạn sẽ là địa điểm nghỉ ngơi lý tưởng cho các doanh nhân và khách du lịch trên thế giới khi đến Thủ đô Hà Nội. - Dự án hoàn thành sẽ góp phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, tạo quỹ khách sạn cao cấp cho thành phố đồng thời cung cấp các dịch vụ phụ trợ như bãi đỗ xe, cửa hàng cho thuê, trung tâm thể dục, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại... Với cơ sở hạ tầng đồng bộ, dự án sẽ nâng cao giá trị sử dụng đất, tạo môi trường hấp dẫn đầu tư, tạo quỹ khách sạn cao cấp và sẽ là một quần thể kiến trúc đẹp, hiện đại,

	tạo điểm nhấn tại cửa ngõ Tây Nam Thủ đô Hà Nội. - Về hiệu quả kinh tế: + Doanh thu: 64.000 tỷ đồng; + Lợi nhuận sau thuế bình quân: 492 tỷ đồng/năm; + NPV: 464 tỷ đồng; + IRR (r=13%): 17,69%; + Thời gian hoàn vốn: 15 năm 8 tháng.
- Tình hình thực hiện dự án:	Tính đến thời điểm hiện nay, công tác chuẩn bị đầu tư đã được hoàn tất; - Dự án đang tiến hành đầu tư xây dựng các hạng mục như: Tường vây, cọc đại trà, móng ... - Thời gian hoàn thành dự án: Quý IV/2012

Ngoài các dự án lớn và trọng tâm đang thực hiện, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đang xúc tiến nghiên cứu để đầu tư một số dự án trong năm 2009 và các năm tiếp theo như: Dự án đầu tư Tàu xây lắp biển đa năng, tổng mức đầu tư dự kiến 250 triệu USD; Dự án Trạm dừng chân Nghi Sơn - Thanh Hóa, tổng mức đầu tư 122 tỷ đồng; Dự án Hạ tầng khu công nghiệp Chí Linh Cửa Lấp - TP Vũng Tàu, tổng mức đầu tư 495 tỷ đồng; Dự án Khu phức hợp chung cư và văn phòng cho thuê số 2 Nguyễn Hữu Cánh - TP Vũng Tàu, tổng mức đầu tư 270 tỷ đồng; Dự án khu công nghiệp Trung Sơn - Hòa Bình, tổng mức đầu tư 150 tỷ đồng; Dự án Khu đô thị Trường Đại học Dầu khí Việt Nam; Dự án xây dựng khu đô thị tại Trung tâm thành phố Việt Trì .v.v.

6.9.2. Hoạt động đầu tư gián tiếp:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam còn thực hiện đầu tư gián tiếp các dự án thông qua các công ty do PVC nắm cổ phần chi phối, các công ty liên doanh, liên kết. Trong đó có một số dự án lớn mà đơn vị đang triển khai thực hiện đầu tư là:

- **Các dự án nâng cao năng lực xây lắp chuyên ngành:**

a/ Dự án Nhà máy bọc ống



Khu công nghiệp Phú Mỹ 1

- Chủ đầu tư:	- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (Liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty khí Việt Nam ...)
- Địa điểm:	- Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 - Sài Gòn
- Quy mô dự án:	- Tổng diện tích của dự án là: 15 ha, công suất của nhà máy là bọc các lớp PE, PP, FBE cho các loại ống với đường kính từ 6” đến 48” công suất 240km/năm.
- Tổng mức đầu tư:	- TMĐT: 517,44 tỷ đồng, trong đó: + Vốn góp để thực hiện dự án: 30% TMĐT. + Vốn vay của các tổ chức tín dụng: 70% TMĐT
- Lợi ích và hiệu quả	- Mục tiêu của dự án: Trong thời gian qua đối với các đường ống dẫn dầu, dẫn khí của ngành dầu khí phần lớn đều do các đơn vị nước ngoài thực hiện từ khâu cung cấp ống và bọc các lớp bảo vệ chống ăn mòn bên ngoài như PP, PE và bê tông. Sơ bộ như các dự án như đường ống Su từ Vàng/Đen – Rạng Đông, đường ống PM3 – Cà Mau dài 298 km, đường ống nhập kho xăng dầu Cù Lao Tào dài 12,8 km .v.v. đều phải nhập ống bọc bê tông, bọc PE thành phẩm từ nước ngoài để lắp đặt. Xuất phát từ nhu cầu khối lượng đường ống sẽ được xây dựng, lắp đặt của các dự án thăm dò, khai thác của Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam trong giai đoạn tới là rất lớn. Việc xây dựng nhà máy bọc ống trước tiên để phục vụ cho các dự án của Tập đoàn Dầu khí, phục vụ thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu đến các nước trong khu vực; Xét về bình diện vĩ mô, việc đầu tư một nhà máy bọc ống sẽ đem lại lợi ích cho đất nước, nội địa hóa một phần ống bọc thành phẩm, giảm lượng ngoại tệ lẽ ra phải trả cho việc nhập ống đã được bọc ở nước ngoài; Góp phần làm tăng nội lực hiện có của các đơn vị trong ngành ngày càng vững mạnh, đủ khả năng thực hiện các dự án lớn, tăng sức cạnh tranh và uy tín trên thị trường trong quá trình hội nhập, phù hợp với chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là tăng cường đầu tư nâng cao năng lực để chiếm lĩnh tối đa các lĩnh vực hoạt động ngành dầu khí; - Về hiệu quả kinh tế: Việc đầu tư xây dựng nhà máy bọc ống sẽ đem lại cho chủ đầu tư doanh thu hàng năm là 362 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 96,7 tỷ đồng, NPV (10,5%): 158 tỷ đồng, IRR 14,2%, thời gian hoàn vốn 8,2 năm.
- Thời gian thực hiện:	+ Quý III/2009: Khởi công thực hiện dự án + Quý II/2010: Hoàn thành đưa nhà máy vào sử dụng
- Tình hình thực hiện	- Đã hoàn thành công tác lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và

dự án	công tác đấu thầu các gói thầu tư vấn, gói thầu mua sắm thiết bị chính. - Phần cải tạo nhà máy; lắp đặt cầu trục; các bãi tập kết đã hoàn thiện xong. - Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới, tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng ngoài nhà, xử lý hệ thống nước thải, phòng cháy chữa cháy... - Dự kiến, dự án sẽ chính thức được đưa vào khai thác, sử dụng vào tháng 5/2010.
-------	--

b/ Dự án nhà máy sản xuất kết cấu thép và bê tông Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội.

- Chủ đầu tư:	- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Địa điểm:	- Tại cụm Công nghiệp Bình Phú, Phùng Xá, Hà Nội
- Quy mô dự án:	- Dự án bao gồm hai trạm trộn bê tông thương phẩm có diện tích chiếm đất là 10.000 m². - Mỗi trạm trộn có công suất khoảng 100 m³/h tương ứng với 380.000 m³/năm và Xưởng gia công cơ khí, sản xuất kết cấu thép công suất 30.000 tấn/năm.
- Tổng mức đầu tư:	- TMĐT: 148,53 tỷ đồng, trong đó, vốn tự có 44,56 tỷ đồng, vốn vay khác 103,97 tỷ đồng.
- Lợi ích và hiệu quả	- Nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu các sản phẩm bê tông thương phẩm, các cấu kiện kết cấu thép với chi phí hợp lý, chất lượng cao, phục vụ cho các công trình do Tổng công ty và các đơn vị thành viên đảm nhận thi công, đồng thời cung cấp cho thị trường khu vực Hà Nội và vùng lân cận. - Giải quyết việc làm cho khoảng 150 lao động địa phương với thu nhập ổn định, đóng góp một phần thu nhập vào ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần giảm thiểu ô nhiễm đối với khu vực nội thị Thủ đô Hà Nội. - Tạo nguồn lợi cho chủ đầu tư, thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và các năm tiếp theo.
- Tình hình thực hiện dự án:	- Dự án đến nay đã được UBND tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đầu tư và Tổng công ty đã phê duyệt Báo cáo đầu tư. - Trong thời gian tới, Tổng công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục giao nhận đất và tiến hành đầu tư cơ sở hạ tầng.

• **Các dự án đầu tư hạ tầng công nghiệp và VLXD:**

a/ Dự án hạ tầng cơ sở khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Tiền Giang



Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang

- Chủ đầu tư:	- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- Địa điểm:	- Khu công nghiệp dầu khí Tiền Giang tọa lạc tại xã Tân Trung, thị xã Gò Công và xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông có phần tiếp giáp giữa KCN và quốc lộ 50. Khoảng cách từ KCN tới TP HCM theo quốc lộ 50 khoảng 45 km.
- Quy mô dự án:	- Tổng diện tích của dự án là: 1.217,96 ha, trong đó diện tích mặt đất khoảng 919,96ha và diện tích mặt nước khoảng 298 ha.
- Tổng mức đầu tư:	- TMĐT: 3.560,91 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu 500 tỷ đồng, vốn vay 910 tỷ đồng, vốn từ thu nhập của dự án 2.150 tỷ đồng
- Lợi ích và hiệu quả	- Việc quy hoạch và xây dựng KCN dịch vụ Tiền Giang sẽ góp phần đáng kể cho việc thúc đẩy quá trình hội nhập WTO và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Tiền Giang nói riêng và nước ta nói chung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về chiến lược biển của Việt Nam đến năm 2020. - Mục tiêu chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và đến năm 2025 đó là phát triển ngành Dầu khí Việt Nam trở thành ngành kinh tế quan trọng, đồng bộ, bao gồm: tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Xây dựng Tập đoàn Dầu khí vững mạnh, kinh doanh đa ngành cả trong nước và quốc tế. Do đó việc đầu tư xây dựng KCN Dầu khí Tiền Giang là thực sự cần thiết: + Cần thiết phải xây dựng một KCN phục vụ chế tạo thiết bị cơ khí chuyên dùng cho PetroVietnam như: Xưởng lắp ráp với quy mô lớn, hiện đại để lắp dựng đóng mới và sửa chữa các giàn khoan biển nước sâu (tới 350m), chế tạo các kết cấu siêu trường, siêu trọng, nhà máy chế tạo ống Dầu khí, Nhà máy chế tạo van dầu khí, chế tạo bình, bồn bể, nhà máy bọc ống cách nhiệt, gia tải .v.v.

	+ Cần thiết phải có một đội tàu mạnh phục vụ vận chuyển dầu thô từ nước ngoài về Việt Nam để cung cấp khoảng 30 triệu tấn trong giai đoạn 1 (2009-2015) và khoảng 50 triệu tấn giai đoạn 2 (2015 – 2020) cho các nhà máy lọc dầu: Dung Quất, Nghi Sơn. Đối với các loại tàu chuyên dụng như: tàu chở sản phẩm lọc hóa dầu, tàu khoan, tàu bán chìm, tàu hai thân, tàu cầu, tàu dãi ống.v.v. phục vụ cho việc tìm kiếm, thăm dò, xây dựng, khai thác ở các vùng biển nước sâu xa bờ và vận chuyển, tàng trữ, xuất nhập khẩu dầu khí. + Cần thiết phải xây dựng một kho cảng dịch vụ đủ lớn, hiện đại: Cảng hàng khô, cảng container, cảng xuất nhập sản phẩm dầu khí để giảm tải cho các cảng biển của PetroVietnam tại Vũng Tàu, khu vực Miền Trung. Tại khu KCN dầu khí Tiền Giang sẽ xây dựng một tổng kho chứa các sản phẩm dầu khí từ nhà máy lọc dầu Long Sơn với dung tích 2-3 triệu m³. - Về hiệu quả kinh tế: Việc đầu tư xây dựng KCN Dầu khí Tiền Giang sẽ đem lại cho chủ đầu tư doanh thu khai thác hạ tầng kỹ thuật là 7.510 tỷ đồng, lợi nhuận dự án 3.128 tỷ đồng, NPV: 2.470 tỷ đồng, IRR 19%, thời gian hoàn vốn 5,5 năm.
- Tình hình thực hiện:	Tính đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty PVC đã hoàn thành công tác khoan khảo địa chất; thu thập tài liệu khí tượng thủy văn, đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, địa chính ... phục vụ lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp; - Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 09/6/2009; - Báo cáo Đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 2049/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2009; - Dự kiến, trong năm 2010 dự án sẽ chính thức được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, tiến hành đền bù GPMB và thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

b/ Dự án Khu công nghiệp tập trung Hoàng Mai tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An:



Dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai

- Chủ đầu tư:	- Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)
- Địa điểm đầu tư	huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
- Quy mô	- 289,6 ha
- Tổng mức đầu tư	- TMĐT 812 tỷ đồng, trong đó: + Vốn chủ sở hữu: 163 tỷ đồng. + Vốn vay khác: 649,82 tỷ đồng.
Tiến độ dự án	Từ năm 2008 – đến 2011
Tình hình thực hiện dự án.	Tính đến thời điểm hiện nay, công tác chuẩn bị đầu tư của dự án đã được hoàn tất; Và dự án đã được khởi công vào tháng 10/2008. - Chủ đầu tư đã và đang tiến hành đền bù GPMB toàn bộ dự án và thi công tổng thể hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp.

c/ Dự án Nhà máy Xi măng 12/9:



Nhà máy xi măng 12/9 (Anh Sơn)

Chủ đầu tư:	- Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9
Địa điểm đầu tư	- Hội Sơn, Huyện Anh Sơn – Tỉnh Nghệ An
Quy mô	- Công suất: đầu tư xây dựng một dây chuyền mới có công suất 1500 tấn clanhker/ngày.
Tổng mức đầu tư	TMĐT trong hàng rào 814 tỷ đồng, trong đó
Tiến độ thực hiện	- Dự án khởi công ngày 25/11/2009 - Thời gian thực hiện dự án là 18 tháng. - Hoàn thành gói thầu EPC trước 30/6/2011. - Hoàn thành các gói thầu di dời đường điện, đường dân sinh , mương cấp nước và móng tường rào chắn đất trước 30/3/2010. - Hoàn thành các gói thầu khác ngoài EPC và ngoài hàng rào nhà máy trước 30/3/2011.

d/ Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Hoà Cẩm – giai đoạn 1 và 2:



Khu công nghiệp Hoà Cẩm

Chủ đầu tư:	- Công ty cổ phần PVC-MT làm chủ đầu tư thực hiện dự án.
Địa điểm đầu tư	- Phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
Quy mô	- 141 ha
Tổng mức đầu tư	- TMĐT: 362,81 tỷ đồng
Tình hình thực hiện	- Hạ tầng kỹ thuật KCN mở rộng: đang lập quy hoạch điều chỉnh, đồng thời tiến hành công tác rà phá bom mìn. - Đang triển khai thi công hạng mục san nền tại vị trí đã có mặt bằng; - Hoàn thiện phân cấp nước đường số 9, 11; giao thông thoát nước tuyến đường số 1,9 và điện chiếu sáng phần còn lại. - Kè mái taluy tại khu đất giao cho công ty...

e/ Nhà máy Bê tông dự ứng lực PVC – FECON:



Chủ đầu tư:	- Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON (Liên doanh với Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam – tỷ lệ tham gia của PVC là 35%)
Địa điểm đầu tư	- KCN Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam
Quy mô	- 2,5 ha, được trang bị hai dây chuyền sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao theo tiêu chuẩn Nhật Bản, đạt tổng công suất 1,8 triệu mét cọc/năm.
Tổng mức đầu tư	- TMĐT: 300 tỷ đồng
Lợi ích và hiệu quả	- Công nghệ ly tâm và hấp áp lực cao cho phép sản xuất bê tông cường độ cao đến 80Mpa. Công nghệ này đồng thời tiết kiệm nguyên liệu đầu vào như thép, đá, xi măng..., tiết kiệm từ 20 - 30% giá thành so với bê tông thường có cùng yêu cầu chịu lực và tiết kiệm 50% thời gian sản xuất, thời gian thi công so với các sản phẩm bê tông thường. Các sản phẩm đã được tiêu chuẩn hóa quốc tế. Sản xuất không có chất thải, không gây ô nhiễm môi trường. Dự án Nhà máy bê tông dự ứng lực PVC-FECON góp phần phát triển khoa học ứng dụng công nghệ cao cho ngành xây dựng công trình, cũng như đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước. - Dự kiến, khi nhà máy đi vào hoạt động, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 1371,3 tỷ VNĐ, hệ số thu hồi vốn nội bộ đạt 26,63%, thời gian thu hồi vốn: 6 năm 6 tháng.
Tình hình thực hiện	- Khởi công ngày 05/02/2010 - Thời gian hoàn thành: tháng 12/2010

• **Các dự án đầu tư bất động sản:**

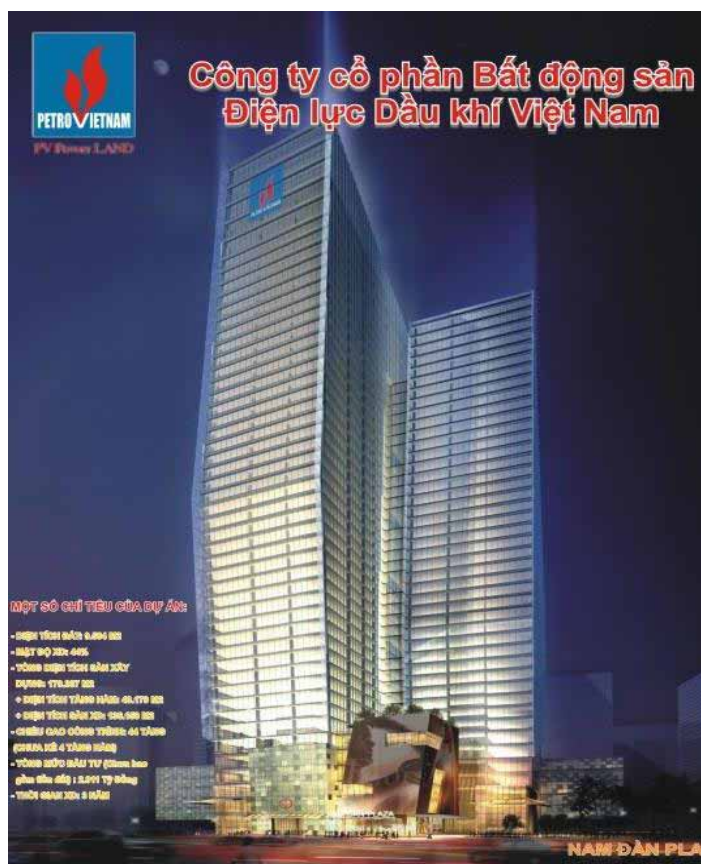
a/ Dự án Khu đô thị Dầu khí Vũng Tàu.



Dự án khu đô thị Dầu khí Vũng Tàu

Chủ đầu tư:	- Công ty cổ phần PVC-IC và Công ty cổ phần PetroLand góp vốn đầu tư thực hiện dự án.
Địa điểm đầu tư	- Tại thành phố Vũng Tàu
Quy mô	- Diện tích khu đất 69,4 ha
Tổng mức đầu tư	- Khoảng 1.500 tỷ đồng, trong đó: + PVC-IC góp 50% vốn đầu tư của dự án. + Petroland góp 50% vốn đầu tư của dự án.
Tiến độ dự án	- Quý III/2010 đến Quý III/2020
Tình hình thực hiện	- Ngày 17/11/2009, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ra Nghị quyết chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Dầu khí - thành phố Vũng Tàu. - Đã hoàn thành việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500. - Đang triển khai khảo sát địa chất phục vụ thiết kế cơ sở và TKBVTC phân hạ tầng. TKCS lập dự án đầu tư. Thực hiện các thủ tục về bồi thường hỗ trợ Tái định cư. - Xét chọn nhà thầu và ký hợp đồng gói thầu thiết kế cơ sở và lập dự án đầu tư.

b/ Dự án Nam Đàn Plaza:



Dự án Nam Đàn Plaza

Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam
Địa điểm	Đường Phạm Hùng (quận Cầu Giấy- Hà Nội)
Quy mô dự án	+ Diện tích khu đất: 9584m² + Mật độ xây dựng: 37% + Tổng sàn xây dựng: 144.000m²
Tổng mức đầu tư	220 triệu USD (4000 tỷ VNĐ)
Lợi ích và hiệu quả	Với diện tích lên tới 144.000m² ngay mặt đường Phạm Hùng (quận Cầu Giấy- Hà Nội), gần Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Nam Đàn Plaza được trang bị đầy đủ tiện nghi đạt tiêu chuẩn cao cấp. Đây sẽ là tổ hợp gồm: khách sạn 5 sao, trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng, khu vui chơi giải trí, mua sắm cao cấp và hệ thống dịch vụ văn phòng tốt nhất cho các chính khách quốc tế và cộng đồng các doanh nghiệp, doanh nhân quốc tế khi đến Việt Nam.
Tình hình thực hiện	Dự kiến khởi công: Quý I năm 2010

	Hiện nay đơn vị đã hoàn thành xong công tác quy hoạch tổng mặt bằng và công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết; cơ bản hoàn thành thủ tục xin giấy phép xây dựng, giấy phép đầu tư dự án. Đã tổ chức lựa chọn được nhà thầu các gói thầu Tư vấn quản lý Dự án, gói thầu thi công phần móng, tầng hầm. Công tác thu xếp vốn: Đã thu xếp được khoảng 100 triệu USD/ TMDT 220 triệu USD
--	---

c/ Dự án tổ hợp văn phòng, thương mại và nhà ở đường 30/4 Vũng Tàu:



Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí
Địa điểm	Trục đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Quy mô dự án	+ Diện tích khu đất: 16115m² + Mật độ xây dựng: 59% + Tổng diện tích sàn: 94.286m² + Số tầng cao: 36 tầng và 02 tầng hầm.
Tổng mức đầu tư	Khoảng 1140 tỷ VNĐ
Lợi ích và hiệu quả	+ Dự án là một tổ hợp văn phòng , trung tâm thương mại và nhà ở cao cấp nằm trên một trong những trục đường chính với phong cách

	sống tiện nghi, hiện đại bậc nhất của thành phố Vũng Tàu.
Tình hình thực hiện	Dự kiến khởi công: Quý I năm 2010 Dự kiến thời gian hoàn thành dự án: 3 năm.

d/ Dự án Khu thương mại, tài chính văn phòng và căn hộ cao cấp Cột Đồng Hồ - thành phố Hạ Long, Quảng Ninh:



*Dự án Khu thương mại, tài chính văn phòng và căn hộ cao cấp
Cột Đồng Hồ - thành phố Hạ Long, Quảng Ninh*

Chủ đầu tư	Công ty kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
Địa điểm	Khu trung tâm Cột Đồng hồ, Phường Trần Hưng Đạo và Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Quy mô dự án	+ Diện tích khu đất: 10.213 m ² + Mật độ xây dựng: 47,6% + Tổng sàn xây dựng: 74.000m ²
Tổng mức đầu tư	365 tỷ VNĐ
Lợi ích và hiệu quả	Dự kiến tổng mức đóng góp của dự án cho ngân sách nhà nước khoảng 318.948 triệu VNĐ với tổng giá trị sản phẩm gia tăng là 96.899 triệu VNĐ.
Tình hình thực hiện	Khởi công: ngày 03/02/2010 Dự kiến thời gian hoàn thành: 12/2011

	Hiện nay thiết kế quy hoạch 1/500 đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, đang tiến hành xin điều chỉnh chức năng khu đất để nâng cao hiệu quả dự án.
--	---

e/ Dự án Khu đô thị sinh thái – văn hóa Hạ Long



Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái- văn hoá Hạ Long

Chủ đầu tư	Công ty kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
Địa điểm	Phía Tây thành phố Hạ Long.
Quy mô dự án	Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái-văn hoá Hạ Long có tổng diện tích theo quy hoạch khoảng 800 ha với quy mô dân số khoảng 60.000 người và hàng năm đón tiếp khoảng 5-7 triệu lượt khách du lịch.
Tổng mức đầu tư	1.500 tỷ VNĐ
Lợi ích và hiệu quả	Là khu đô thị mới về du lịch sinh thái và văn hoá của TP Hạ Long nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch biển của du khách trong và ngoài nước cũng như đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân trong khu vực. - Xây dựng một khu đô thị du lịch sinh thái-văn hoá đạt các tiêu chuẩn mới về hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội, phù hợp với quy hoạch chung TP Hạ Long đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tình hình thực hiện	Dự kiến khởi công: quý III/ 2010 Dự kiến thời gian hoàn thành: quý IV/2020 - Tiến hành khảo sát hiện trạng, làm việc với các Sở Ban Ngành của Tỉnh để xác định ranh giới phạm vi nghiên cứu của dự án. - Chuẩn bị hồ sơ trình UBND Tỉnh Quảng Ninh chấp thuận địa điểm và chủ trương đầu tư và triển khai công tác lập quy hoạch chi tiết của dự án
----------------------------	--

Bên cạnh các dự án mà các đơn vị liên doanh, liên kết của Tổng Công ty đang khẩn trương triển khai, các đơn vị cũng đang xúc tiến nghiên cứu và triển khai một số dự án mới trong năm 2009 và thời gian tới như: Dự án Văn phòng cho thuê và chung cư 59 - 63 Huỳnh Thúc Kháng - Hà Nội, Dự án Trung tâm thương mại Vĩnh Tuy - Hà Nội, Dự án Chung cư C1 Thành Công - Hà Nội, Dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu, Dự án nhà máy xi măng Bắc Cạn - tỉnh Bắc Cạn vv, dự án cao ốc phức hợp Dragon Petro Hill.v.v.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 6: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm 2007, 2008 và năm 2009

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	861,261	2,629,178	3,822,294	3,811,593	5,648,503
2	Nguồn chủ sở hữu	188,301	1,573,272	1,611,466	1,700,317	1,756,163
	<i>Trong đó: LN sau thuế chưa phân phối</i>	34,374	56,473	88,140	172,456	223,760
	<i>Vốn điều lệ</i>	150,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000
4	Doanh thu thuần từ SXKD	726,816	1,017,706	1,808,500	2,156,087	4,072,114
5	Doanh thu hoạt động tài chính	12,169	62,510	31,340	163,445	128,031
6	Doanh thu khác	11,314	6,473	13,302	3,227	34,276
7	Tổng doanh thu	750,299	1,086,689	1,853,142	2,322,759	4,234,422
8	Lợi nhuận HĐKD	6,886	59,483	80,308	206,797	238,247
9	Lợi nhuận khác	4,890	3,229	5,310	1,414	26,591
10	Lãi/lỗ từ cty liên doanh liên kết	8,936	-	12,833	0	12,803
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	20,712	62,712	98,451	208,212	277,642
12	Tổng lợi nhuận sau thuế	20,713	59,748	87,580	175,476	228,961
13	Tỷ lệ trả cổ tức	10%(*)	7%(**)		8-10% (**)	

Ghi chú:

- Số liệu năm 2007, năm 2008 được cung cấp từ BCTC của PVC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Số liệu báo cáo năm 2009 đã được kiểm toán.
- (*) Căn cứ vào nghị quyết số 266/NQĐHĐCĐ-XLDK ngày 27/6/2008, Đại hội đã nhất trí thông qua phương án trả cổ tức cho cả hai năm 2006 và 2007 là 10%.

- *(**) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 16/5/2009 của PVC đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2008 cho cổ đông là 7% , tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2009 là 8-10%.*

Tại Báo cáo kiểm toán năm 2007, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về tính hiện hữu và giá trị hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền mặt và việc hạch toán niên độ khoản chi lãi liên doanh của Công ty. Theo Deloitte, các vấn đề này có ảnh hưởng trọng yếu tới kết quả kinh doanh cũng như sự lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính 2007. Tuy nhiên, tại Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam chỉ lưu ý người đọc về việc sử dụng số liệu Báo cáo kiểm toán năm 2007 cho mục đích tham khảo do năm 2008 là năm đầu tiên Tổng Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, không có số liệu so sánh cho báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.

Trong năm 2008, PVC phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng do đó tổng tài sản của PVC tại thời điểm 31/12/2008 của Công ty mẹ tăng lên hơn gấp 3 lần năm 2007. Tuy nhiên, do việc tăng vốn của Tổng Công ty thực hiện vào thời điểm cuối năm (hoàn thành 10/12/2008) nên chưa phát huy được hiệu quả của phần vốn mới phát hành tăng thêm, doanh thu và lợi nhuận của PVC năm 2008 vẫn chủ yếu từ phần vốn 150 tỷ đồng và một phần vốn tăng thêm năm 2008 đem lại. Tuy nhiên lợi nhuận của PVC đã tăng 3,5 lần so với năm 2007, việc tăng lợi nhuận trên chủ yếu từ hoạt động xây lắp tại các công ty con của Tổng Công ty đem lại và lợi nhuận từ lãi tiền gửi Ngân hàng và từ công ty liên kết.v.v.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo:

7.2.1. Thuận lợi:

- Ngành dầu khí là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam và đang trong quá trình phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu với nhiều dự án như: phát triển thêm các mỏ dầu và khí mới, các dự án lọc dầu, Khí-Điện-Đạm, mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm dầu và khí.
- Là 1 đơn vị thành viên của Tập đoàn, Tổng Công ty được sự quan tâm, tạo thuận lợi của lãnh đạo Tập đoàn và của các đơn vị trong ngành như Vietsovpetro, PTSC, PVGas .v.v. cũng như các cơ quan ban ngành Trung ương và địa phương trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm và trưởng thành qua các năm công tác.

7.2.2. Khó khăn

- Trong các năm qua thị trường xây lắp có nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị thi công trong cùng ngành, giữa các ngành với nhau.
- Năm 2008, tình hình kinh tế thế giới và trong nước rơi vào tình trạng khủng hoảng, lạm phát kéo dài, giá cả thị trường biến động mạnh đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng. Kinh tế vĩ mô năm 2009 tiếp tục khó khăn do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng toàn cầu, lạm phát mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao và diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam năm 2009 dù đã phục hồi nhưng vẫn ở mức thấp, giá dầu thô giảm trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư xây dựng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Tổng Công ty.

- Với đặc điểm là đơn vị hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp các công trình nên công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình thường bị kéo dài dẫn đến việc thu hồi vốn từ các công trình chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành - Định hướng phát triển của Tổng Công ty.

8.1. Vị thế sản phẩm của Tổng Công ty so các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và triển vọng của ngành:

- Lợi thế lớn nhất của đơn vị là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Tập hợp các Công ty thành viên mạnh, có đủ năng lực cạnh tranh.
- Địa bàn hoạt động rộng.
- Qui mô lao động lớn. Cán bộ có tay nghề cao.
- Được tham gia nhiều công trình trọng điểm của Nhà nước và của Ngành.

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) là doanh nghiệp duy nhất thực hiện quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động thăm dò, khai thác và các công việc liên quan đến khai thác dầu mỏ và khí đốt trên lãnh thổ Việt Nam. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là một đơn vị thành viên của PetroVietnam, trong đó PetroVietnam nắm 87,87%/vốn điều lệ. Do đó thị trường chính của PVC vẫn là các dự án của PetroVietnam.

Thị trường này chiếm tỷ trọng từ 70-80% tổng giá trị sản lượng của Tổng Công ty trong những năm qua, bao gồm: nhận thầu từ Vietsovpetro, nhận thầu từ các đơn vị khác trong ngành và các công trình nội bộ PVC. Tổng Công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình dầu khí lớn trong ngành như: chế tạo lắp ráp các chân đế giàn khoan biển, hệ thống ống vận chuyển khí Bạch Hổ, công trình kho cảng LPG, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công trình 2-3 triệu m³ khí/ngày đêm, Công trình Khí-Điện-Đạm Cà Mau và một số công trình khác mà Tổng Công ty đã ký hợp đồng.

Trong những năm tới, với chiến lược của ngành dầu khí là tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, triển khai các dự án sản xuất, chế biến dầu thô, khí đồng hành .v.v. Tổng Công ty xác định thị trường trong ngành vẫn là một thị trường lớn, chủ đạo của Tổng Công ty.

Thị trường ngoài ngành

Ngoài ra, Tổng Công ty còn tham gia thị trường ngoài ngành (chiếm tỷ trọng từ 20-30% giá trị tổng sản lượng hàng năm của Tổng Công ty) chủ yếu là các công trình cầu đường, nhà cao tầng và các công trình điện, nước. Những năm tới, với sự tăng tốc về đầu tư, sẽ tạo ra một thị trường xây lắp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất (đặc biệt là ở Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.HCM, Cần thơ và Hà Nội .v.v.), xây dựng nhà cao tầng, văn phòng làm việc cho các cơ quan, doanh nghiệp.v.v. Tổng Công ty có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường ngoài ngành, tạo công ăn việc làm, tăng giá trị sản lượng.

Mức độ cạnh tranh

Mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp công trình ngày càng gia tăng giữa các đơn vị thi công trong cùng ngành, giữa các ngành với nhau, ngoài ra còn có sự tham gia của các công ty nước ngoài có kinh nghiệm, tiềm lực tài chính mạnh và trình độ công nghệ hiện đại.

8.2. Định hướng phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn 2010 - 2025:

8.2.1. Quan điểm và nguyên tắc phát triển:

8.2.1.1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) trên cơ sở phát huy thế mạnh là một thành viên của Tập đoàn Kinh tế hàng đầu đất nước - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có của PVC, tranh thủ sự hỗ trợ của Tập đoàn DKVN và hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo bước đột phá phát triển, tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

8.2.1.2. Nguyên tắc phát triển:

- Phù hợp với Chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Phát triển nhanh, mạnh bền vững, lấy hiệu quả và năng lực cạnh tranh làm cơ sở đánh giá mọi hoạt động.
- Tập trung trọng tâm vào xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, đặc biệt hướng tới các công trình dầu khí trên biển. Tăng nhanh tỷ trọng các công việc có hàm lượng chất xám và công nghệ cao; phát huy năng lực sẵn có, mở rộng và phát triển lĩnh vực xây nhà cao tầng để khai thác tối đa nguồn lực nhằm mang lại hiệu quả cao cho Tổng Công ty.
- Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu xây lắp các công trình dầu khí theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực trên cơ sở đáp ứng một cách năng động nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Xây dựng thương hiệu PVC thành một thương hiệu mạnh trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

8.2.2. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thành một Tổng Công ty Xây lắp chuyên ngành Dầu khí, có trình độ quản lý và công nghệ mang tầm quốc tế trong xây lắp các công trình dầu khí, đặc biệt các công trình dầu khí trên biển; trở thành nhà thầu đứng đầu Việt Nam và cạnh tranh được với các nhà thầu khác trong khu vực về thực hiện tổng thầu EPC xây lắp các công trình dầu khí trong lĩnh vực hoạt động thăm dò, khai thác, khí điện, vận chuyển, chế biến và tàng trữ các sản phẩm dầu khí.v.v.

8.2.3. Mục tiêu cụ thể:

* Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng chung là:

- Giai đoạn 2009-2010, đạt: 80-100% năm
- Giai đoạn 2010-2015, đạt: 20-30% năm
- Giai đoạn 2016-2025, đạt: 10-15% năm

* Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực như sau:

8.2.3.1. Lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí:

- Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên biển: tập trung đầu tư cơ sở vật chất và con người và đẩy mạnh phát triển dịch vụ xây lắp các công trình dầu khí trên biển. Mục tiêu đến

năm 2010 bắt đầu thực hiện dịch vụ xây lắp trên biển bao gồm lắp đặt đường ống dẫn dầu và khí trên biển, lắp đặt, tháo dỡ và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa các giàn khoan khai thác dầu khí. Đến năm 2015, chiếm lĩnh trên 60% thị phần dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng các giàn khoan khai thác, khoảng 40% thị phần lắp đặt, tháo dỡ giàn khoan khai thác và thu dọn mỏ, đủ năng lực để triển khai lắp đặt đường ống dẫn dầu và khí tại Việt Nam. Từ 2016 trở đi bắt đầu thực hiện các dịch vụ này tại các nước trong khu vực và quốc tế.

- Đối với lĩnh vực xây lắp các nhà máy chế biến dầu khí và công nghiệp Khí Điện: giai đoạn trước mắt, Tổng Công ty PVC tập trung liên danh với các Nhà thầu nước ngoài làm tổng thầu EPC các nhà máy chế biến dầu khí và các dự án công nghiệp Khí Điện tại Việt Nam. Từ năm 2012 trở đi, PVC có năng lực làm tổng thầu EPC hoặc là đơn vị chủ lực trong tổ hợp nhà thầu EPC đảm nhiệm thực hiện xây lắp nhà máy chế biến dầu khí và các dự án công nghiệp Khí Điện. Đến năm 2015, thị phần của PVC trong các dự án lọc hoá dầu và công nghiệp Khí Điện tại Việt Nam đạt trên 40% và từ 2020 PVC sẽ tham gia vào thị trường EPC các dự án lọc hóa dầu, công nghiệp Khí Điện quốc tế.

- Đối với lĩnh vực xây lắp hệ thống tàng trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí: tiếp tục củng cố năng lực để khẳng định là tổng thầu EPC số một Việt Nam trong các công trình bể chứa dầu thô và các sản phẩm dầu khí. Từ 2010 trở đi, là nhà thầu có sức cạnh tranh lớn nhất Việt Nam trong các dự án xây dựng các kho dầu thô, xăng dầu và LPG. Mục tiêu đến năm 2015, PVC chiếm lĩnh trên 70% thị phần kho cảng xăng dầu và LPG tại Việt Nam. Từ 2016 trở đi, PVC thực hiện thành công các một dự án kho cảng LPG hoặc kho xăng dầu, dầu thô ở nước ngoài.

8.2.3.2. Lĩnh vực cơ khí lắp đặt, chế tạo thiết bị dầu khí, phát triển căn cứ dịch vụ:

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất để đẩy mạnh phát triển cơ khí lắp đặt, chế tạo thiết bị dầu khí, trở thành ngành nghề kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu hàng năm của PVC. Mục tiêu cụ thể đối với lĩnh vực cơ khí chế tạo dầu khí như sau:

- Xây dựng cảng biển gắn liền với căn cứ dịch vụ và chế tạo thiết bị dầu khí tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Tiền Giang (dự kiến hoàn thành tối thiểu 400ha vào năm 2009).
- Từng bước làm chủ công nghệ chế tạo giàn khoan, giàn khai thác, đặt biệt là chế tạo chân đế giàn khoan, từ năm 2012 trở đi đủ năng lực chế tạo hoàn chỉnh một giàn khai thác, giàn khoan cố định với độ sâu trên 110m nước.
- Xây dựng cơ sở vật chất và con người để phát triển công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu phục vụ cho các hoạt động dầu khí. Đến 2015 đóng được các tàu dầu khí loại lớn (tàu chở sản phẩm dầu trên 30.000DWT, tàu chở dầu thô trên 100.000DWT).
- Sản xuất kết cấu thép phi tiêu chuẩn đạt 20.000 tấn/năm vào năm 2011, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và 50% phần kết cấu thép của các nhà máy chế biến dầu khí tại Việt Nam.
- Đủ năng lực để chế tạo các thiết bị chịu áp lực theo tiêu chuẩn ASEM vào năm 2011, phần đầu chế tạo 40% bồn bể, 20% thùng tháp của tổ hợp lọc dầu, hoá dầu.
- Có sản phẩm cuộn ống, bọc ống, các thiết bị cút nối.v.v. để cung cấp cho các công trình dầu khí tại Việt Nam.

8.2.3.3. Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, căn cứ dịch vụ dầu khí:

Tập trung đầu tư để khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp, đặc biệt là các khu công nghiệp phục vụ cho ngành Dầu khí. Phần đầu đến năm 2015, quản lý và vận hành hiệu quả trên 2000 ha khu công nghiệp.

8.2.3.4. Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng và đầu tư bất động sản:

Đến năm 2015, trở thành 1 trong 5 nhà thầu lớn nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng, chiếm lĩnh từ 10-15% thị phần xây dựng nhà cao trên 30 tầng, đặc biệt là các loại nhà sử dụng kết cấu thép, doanh thu đạt 10% tổng doanh thu của PVC.

Tham gia đầu tư phát triển một số khu đô thị mới có hiệu quả để tăng hiệu suất sử dụng vốn và nguồn lực. Đến năm 2015, doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản chiếm từ 5-10% tổng doanh thu hàng năm của PVC.

8.2.4. Định hướng triển khai:

Định hướng triển khai chiến lược phát triển cụ thể cho từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2010: tích lũy và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Giai đoạn 2011 đến 2015: mở rộng và chiếm lĩnh thị trường trong nước và khu vực lân cận.
- Giai đoạn 2016 đến 2025: hướng phát triển mở rộng ra nước ngoài (Khu vực Đông Nam Á và quốc tế).

8.2.4.1. Giai đoạn 2010

a) Lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên biển

- Đầu tư tàu đa năng có cầu nổi có thể thi công lắp đặt đường ống dẫn dầu và khí trên biển, lắp đặt, tháo dỡ và sửa chữa các giàn khoan khai thác.
- Củng cố phát triển lực lượng cơ khí chuyên ngành trên nền tảng đã có, tiến hành thu hút và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức hàng hải và ngoại ngữ cho đội ngũ Cán bộ, thuyền viên và công nhân để quản lý, sử dụng và khai thác tàu đa năng.
- Liên danh với một nhà thầu trong nước và nước ngoài có đủ năng lực và kinh nghiệm để đấu thầu thực hiện tổng thầu EPC các công trình đường ống dẫn khí tại Việt Nam (cả phần đường ống ngoài biển, trên bờ và các trạm phân phối khí).

b) Lĩnh vực xây lắp các nhà máy lọc hoá dầu và các công trình Khí Điện

- Thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, phân xưởng hạt nhựa Polypropylene.v.v. để tạo đà cho việc thực hiện các dự án tiếp theo.
- Lựa chọn đối tác để liên danh làm tổng thầu EPC các dự án lớn trong ngành dầu khí tại Việt Nam.
- Tập trung xây dựng đội ngũ kỹ sư thiết kế để làm chủ thiết kế các dự án lọc hoá dầu, khí, điện tầm cỡ quốc tế.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ quản lý dự án chuyên nghiệp theo hướng làm tổng thầu EPC thông qua các dự án đang triển khai như dự án PP và các dự án khác sẽ trúng thầu trong giai đoạn này theo hình thức liên danh.
- Tham gia cùng thực hiện một số công trình tại nước ngoài nhằm từng bước xây dựng thương hiệu PVC trên thị trường xây lắp dầu khí quốc tế.

c) Lĩnh vực xây dựng hệ thống vận chuyển và tàng trữ các sản phẩm dầu khí

- Thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các dự án Tổng kho LPG Gò Dầu, trạm chiết nạp Gas xe bồn tại Dung Quất, Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho xăng dầu Nhà Bè, Kho xăng dầu Chân Mây.v.v.
- Tiếp tục phát huy năng lực hiện có để đảm nhiệm thực hiện (tổng thầu EPC) các dự án trong lĩnh vực xây dựng hệ thống tàng trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí của Tập đoàn và đơn vị trực thuộc Tập đoàn làm Chủ đầu tư, đảm bảo đúng tiến độ, đạt chất lượng với chi phí cạnh tranh.
- Phát triển lực lượng tư vấn thiết kế để đủ khả năng cạnh tranh với các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực trong nước và khu vực. Đủ khả năng lập dự án đầu tư, thiết kế FEED, thiết kế cơ sở, thiết kế thi công các dự án kho cảng.

d) Lĩnh vực cơ khí chế tạo thiết bị dầu khí, căn cứ dịch vụ

- Đẩy mạnh đầu tư, phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước đầu tư khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Tiền Giang tối thiểu 400ha tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Tiền Giang vào năm 2009 để bắt đầu xây dựng cảng biển của căn cứ dịch vụ Dầu khí và các nhà máy sản xuất công nghiệp.
- Chế tạo, lắp đặt các giàn khoan, khai thác và công trình dầu khí ngoài biển.
- Tiến hành xây dựng và đưa vào hoạt động cơ sở chế tạo giàn khoan, có sản phẩm vào năm 2011 với đội ngũ cán bộ tư vấn thiết kế, lực lượng kỹ thuật và đội ngũ công nhân lành nghề. Ngoài việc phục vụ các khách hàng truyền thống, tiến đến đấu thầu và cung cấp sản phẩm này ra thị trường trong khu vực.
- Nghiên cứu, tìm đối tác đầu tư chiến lược, ưu tiên đối tác nước ngoài có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực đóng và sửa chữa tàu chở dầu để đầu tư xây dựng cơ sở đóng và sửa chữa tàu vận chuyển dầu thô và các sản phẩm dầu khí.
- Sản phẩm kết cấu thép phi tiêu chuẩn
- Hoàn tất chế tạo và lắp đặt phần kết cấu thép của phân xưởng hạt nhựa PP, đảm bảo chịu lực của chân đế và một số công trình đang thực hiện.
- Tiến hành xây dựng và đưa vào hoạt động 01 Nhà máy chế tạo kết cấu thép phi tiêu chuẩn tại Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang và 01 Nhà máy tại Nghi Sơn - Thanh Hoá. Công suất của mỗi nhà máy tương đương 10.000 tấn/năm, đủ đáp ứng 50% phần kết cấu thép cho các dự án lớn của Tập đoàn.
- Ngoài việc cung cấp đối với các công trình trong ngành, sản phẩm của hai nhà máy nêu trên cũng đáp ứng được một phần nhu cầu của các dự án, công trình ngoài ngành (nhà xưởng công nghiệp và nhà cao tầng), hướng tới xuất khẩu ra nước ngoài.
- Sản phẩm thiết bị chịu áp lực
- Phần đầu đạt chứng chỉ “U”STEMP của Hiệp hội ASME trong việc chế tạo và lắp đặt bồn cầu vào đầu năm 2011. Thực hiện tốt công tác lắp đặt 02 bồn cầu cho Phân xưởng hạt nhựa PP và 02 bồn cầu cho Kho chứa LPG Gò Dầu, 02 bồn cầu cho kho chứa LPG tại Dung Quất.
- Phát triển lực lượng tư vấn thiết kế, đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề tiến đến thực hiện trọn gói việc thiết kế, chế tạo và lắp đặt vào cuối năm 2010. Đồng thời, tiến hành xây dựng và đưa vào hoạt động 01 Nhà máy chế tạo sản phẩm bồn cầu, bình thùng chịu áp lực cao, tháp.v.v.

tại Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang vào cuối năm 2010, đủ khả năng đáp ứng 40% sản phẩm bồn bể và 20% thùng thép chưng cất cho Tổ hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn và Long Sơn.

e) Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, căn cứ dịch vụ dầu khí

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp, cụ thể:
- Khu công nghiệp IDICO Long Sơn. Hoàn tất việc đền bù, giải tỏa để xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho các nhà đầu tư.
- Khu công nghiệp Tam Điệp – Ninh Bình, Hoàng Mai - Nghệ An. Hoàn tất việc đền bù, giải tỏa để xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho các nhà đầu tư. Kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước cùng hợp tác đầu tư.
- Nghiên cứu, tìm hiểu một số Khu công nghiệp có tiềm năng phát triển để đầu tư.

f) Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng

- Tập trung thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình các dự án xây dựng dân dụng trong ngành, bao gồm: Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Trung tâm Tài chính Dầu khí Hà Nội, Trung tâm dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi, Viện Dầu khí và Trung tâm Thương mại Dầu khí Nghệ An, Trụ sở làm việc của Tổng Công ty lương thực Miền Bắc (VINAFOOD) - số 6 Ngô Quyền - Hà Nội.
- Tập trung nâng cao năng lực để đấu thầu các dự án nhà cao tầng tại Việt Nam như trụ sở làm việc của VSP, Trung tâm thương mại của Petroland.v.v.
- Nghiên cứu đầu tư nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng mới (cửa chống cháy, 01 Nhà máy bê tông nhẹ.v.v.).
- Song song với việc thực hiện các dự án dân dụng trong ngành, Tổng Công ty PVC sẽ tham gia tiếp thị, đấu thầu và thực hiện các dự án dân dụng ngoài ngành để từng bước củng cố và phát huy năng lực cạnh tranh, nâng cao thương hiệu của Tổng Công ty trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng.
- Liên danh với Công ty tư vấn thiết kế có uy tín để thành lập 01 công ty tư vấn thiết kế đủ năng lực cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nhà cao tầng.

8.2.4.2. Giai đoạn 2011 đến 2015:

a) Lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên biển

- Bắt đầu đưa tàu cầu nổi vào hoạt động để có thể lắp đặt, tháo dỡ giàn khoan đầu tiên vào cuối năm 2011.
- Làm chủ công nghệ vận hành và khai thác cầu nổi.
- Chiếm lĩnh 50% thị trường trong nước vào cuối năm 2012 về dịch vụ xây lắp dầu khí biển.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị và tìm kiếm các hợp đồng xây lắp trên biển trong nước và trong khu vực Đông Nam Á.
- Khai thác hiệu quả tàu cầu nổi để thực hiện toàn bộ các dự án lắp đặt mới, tháo dỡ giàn khoan khai thác, kéo và rải ống trên biển do Tập đoàn và các nhà khai thác dầu khí nước ngoài tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

b) Lĩnh vực xây lắp các nhà máy lọc hoá dầu và các nhà máy công nghiệp chế biến Khí Điện

- Thực hiện thành công các dự án xây dựng Nhà máy xơ sợi tổng hợp Đình Vũ (PVTEX), các nhà máy cồn nhiên liệu sinh học do Tập đoàn đầu tư hoặc hợp tác đầu tư, Tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn và Long Sơn với tư cách là thành viên của liên danh.
- Tự đảm nhận thiết kế chi tiết các phần công việc với công nghệ không quá phức tạp phục vụ xây lắp tổ hợp lọc hoá dầu và các nhà máy công nghiệp Khí Điện.
- Tham gia thực hiện xây lắp một số dự án ở nước ngoài do Tập đoàn đầu tư.

c) Lĩnh vực xây dựng hệ thống tàng trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí

- Chiếm lĩnh phần lớn thị trường trong ngành xây lắp hệ thống kho chứa và đường ống vận chuyển các sản phẩm dầu khí với vai trò là tổng thầu EPC, phần đấu thầu và thực hiện các dự án đạt 50% thị trường ngoài ngành. Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường và tiến đến thực hiện xây lắp các dự án ở thị trường trong khu vực Đông Nam Á.
- Cùng cố lực lượng tư vấn thiết kế, đủ năng lực cạnh tranh với các nhà thầu trong khu vực.

d) Lĩnh vực cơ khí chế tạo thiết bị dầu khí, căn cứ dịch vụ dầu khí

- Hoàn thiện Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang
- Tự đảm nhận việc thiết kế chế tạo giàn khoan khai thác, đặc biệt chuyên sâu chế tạo chân đế giàn khoan, có sản phẩm xuất xưởng vào năm 2012.
- Sản xuất và lắp đặt kết cấu thép phi tiêu chuẩn, bồn, tháp cho tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn và Long Sơn.
- Hoàn chỉnh đầu tư cơ sở đóng và sửa chữa tàu chở dầu và có sản phẩm dầu khí, có sản phẩm vào đầu năm 2015.
- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới để tìm cơ hội xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

e) Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp

- Hoàn thiện các khu công nghiệp đã đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp đã đầu tư. Phần đầu đến 2015 lắp đầy các khu công nghiệp Hoàng Mai, khu công nghiệp IDICO - Long Sơn
- Nghiên cứu và đầu tư thêm 1-2 Khu công nghiệp khác có tiềm năng phát triển.

f) Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng

- Tập trung nâng cao năng lực và làm chủ công nghệ xây dựng nhà cao tầng để có thể thắng thầu các dự án nhà cao tầng trong nước.

8.2.4.3. Giai đoạn 2016 đến 2025:

- Tổng Công ty PVC tiếp tục củng cố vị thế và thương hiệu PVC tại thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.
- Từ năm 2015 bắt đầu mở các Văn phòng đại diện tại Cộng hoà liên bang Nga, các nước Trung Đông, Venezuela.v.v. để làm công tác marketing tại các thị trường này.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý dự án có trình độ quản lý quốc tế để thực hiện tổng thầu EPC các dự án ở nước ngoài.

8.2.5. Các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển của PVC

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển 2010 đến 2015 và định hướng đến 2025, Tổng Công ty PVC áp dụng đồng bộ các giải pháp về tổ chức, nguồn nhân lực, đầu tư, tài chính, liên danh liên kết và khoa học công nghệ. Tất cả các giải pháp đều tập trung phục vụ mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh của Tổng Công ty PVC trong Xây lắp chuyên ngành Dầu khí.

8.2.5.1. Giải pháp về tổ chức và quản lý

- Trong năm 2009, kiện toàn tổ chức bộ máy của Tổng Công ty PVC và các đơn vị thành viên, soát lại các Công ty liên kết mà Tổng Công ty có cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để làm cho các khoản đầu tư chiến lược đi vào thực chất hơn theo hướng mỗi lĩnh vực trong một khu vực có một công ty chuyên sâu đảm nhiệm, tránh tình trạng cạnh tranh đối kháng giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.
- Xây dựng quan hệ nội bộ trong Tổng Công ty là quan hệ giữa các pháp nhân bình đẳng trước pháp luật, quan hệ kinh tế trên cơ sở đầu tư - tiếp nhận đầu tư - thu nộp lợi nhuận. Công ty mẹ chi phối các công ty con về thương hiệu, chiến lược phát triển, đầu tư vốn và quản lý thông qua người quản lý phần vốn. Quan hệ cung cấp dịch vụ giữa công ty mẹ với công ty con và quan hệ giữa các công ty con với nhau đều thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

8.2.5.2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục tuyển dụng nguồn nhân lực đã được đào tạo theo cơ chế thi tuyển, sàng lọc và đào tạo lại để đảm đương ngay các công việc cần thiết như thiết kế, chuyên gia tư vấn và quản lý dự án.
- Đưa công tác đào tạo trở thành nhiệm vụ trọng tâm theo các định hướng:
 - + Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho các kỹ sư đã có kinh nghiệm thực tế về thi công và thiết kế tại các dự án lọc hoá dầu.
 - + Đào tạo cán bộ, kỹ sư trên công trường thông qua các dự án Tổng Công ty đang triển khai.
- Xây dựng chiến lược thu hút và giữ chân các cán bộ đã được đào tạo gắn bó lâu dài với Tổng Công ty, trong đó chế độ chính sách nhân viên và cơ chế đãi ngộ được xây dựng khoa học và có vai trò quyết định đến sự thành công của chiến lược.
- Có kế hoạch quy hoạch cán bộ và tạo cơ chế linh hoạt làm động lực cho việc rèn luyện, phấn đấu vươn lên để trở thành cán bộ chủ chốt của Tổng Công ty. Đẩy mạnh phong trào quần chúng, hoạt động của các đoàn thể để nâng cao công tác thi đua trong toàn Tổng Công ty. Đảng bộ và các cơ sở Đảng phát huy vai trò chỉ đạo trong các hoạt động của Tổng Công ty.
- Làm thầu phụ cho các nhà thầu lớn để thi công các công trình ở nước ngoài, thông qua đó đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư và công nhân lành nghề có kỹ năng thi công theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Nguồn nhân lực của PVC dự kiến trong từng giai đoạn:

Năm	2010	2015	2025
- Cán bộ quản lý	650	900	1.180
- Kỹ sư thiết kế, xây dựng	1.700	2.600	3.500
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	3.300	8.000	15.000
Tổng số lao động cuối kỳ	5.650	11.500	19.680

8.2.5.3. Giải pháp về đầu tư:

Công tác đầu tư nâng cao năng lực thi công được tập trung vào kế hoạch thị trường và ngành nghề của Tổng Công ty, cụ thể:

- Đối với lĩnh vực xây lắp biển
 - + Đầu tư một số tàu, xà lan biển đa chức năng phục vụ sửa chữa, lắp đặt, tháo dỡ giàn khoan khai thác và thi công đường ống trên biển. Trước mắt từ 2008 đến 2010 đầu tư tàu rải ống đa năng có cần cẩu khoảng 3.000 tấn.
- Đối với lĩnh vực xây lắp trên bờ:
 - + Nâng cao toàn diện năng lực thi công xây lắp các dự án lọc hoá dầu, kho cảng và nhà cao tầng, đặc biệt các thiết bị chuyên dùng như cần cẩu, thiết bị khoan đá, thiết bị đào tường barrette và thiết bị thi công cơ giới.
- Đối với lĩnh vực chế tạo cơ khí dầu khí:

Đầu tư tổ hợp chế tạo cơ khí đa năng để chế tạo các thiết bị dầu khí từ đơn giản đến phức tạp, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, cụ thể:

 - + Đầu tư cơ sở chuyên chế tạo giàn khoan khai thác, đóng tàu và sửa chữa tàu chuyên chở các sản phẩm dầu khí tại khu vực phía Nam.
 - + Đầu tư 01 nhà máy chế tạo thiết bị dầu khí bao gồm xưởng chế tạo kết cấu phi tiêu chuẩn, xưởng chế tạo bồn bể, xưởng chế tạo thùng.
 - + Đầu tư 01 nhà máy kết cấu thép và gia công ống, dự kiến tại khu vực phía Bắc.
 - + Đầu tư Cảng dịch vụ tại Khu công nghiệp dầu khí, dự kiến tạo khu vực phía Nam.
 - + Đầu tư 01 Nhà máy cửa chống cháy, bê tông nhẹ tại các thành phố trung tâm trên toàn quốc.

8.2.5.4. Giải pháp về tài chính:

- Hoàn thiện cơ chế tài chính của toàn Tổng Công ty theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về tài chính.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Công ty mẹ, đảm bảo các đơn vị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và Tập đoàn về quản lý tài chính.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí tại các đơn vị thành viên và cơ quan Tổng Công ty nhằm tăng khả năng tích lũy tài chính phục vụ đầu tư phát triển.
- Khai thác tối đa nguồn tài chính từ bên ngoài để phát triển thông qua hình thức liên doanh, liên kết và phát hành cổ phiếu trên thị trường tài chính.
- Liên doanh với các đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư các dự án có vốn đầu tư lớn và có chiều sâu.

- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài để thực hiện bán bớt phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty PVC.
- Xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong từng giai đoạn cụ thể. Tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty PVC theo lộ trình, dự kiến như sau:
 - + Đến năm 2010: 2.500 tỷ.
 - + Đến năm 2015: 4.000 tỷ.
 - + Đến năm 2025: 8.000 tỷ.

8.2.5.5. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9000 trong toàn Tổng Công ty.
- Áp dụng các công nghệ quản lý dự án, quản lý sản xuất tiên tiến có hiệu suất cao.
- Đảm bảo toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tuân thủ theo các chính sách và quy trình HSEQ (sức khỏe, an toàn, môi trường và chất lượng).
- Cập nhật các công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới và trong khu vực trong lĩnh vực thi công các công trình phục vụ ngành công nghiệp dầu khí và các công trình xây dựng dân dụng.

8.2.5.6. Giải pháp về liên doanh liên kết:

Hợp tác, liên doanh liên kết là một trong những biện pháp mang tính chiến lược để thực hiện chiến lược phát triển Tổng Công ty PVC, đặc biệt trong giai đoạn đầu của thời kỳ phát triển 2008-2010. Các đối tác tiềm năng trong từng lĩnh vực sẽ được ưu tiên hợp tác, liên doanh liên kết:

- Công ty tư vấn thiết kế nước ngoài có uy tín.
- Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn DKVN để triển khai đầu tư và kinh doanh các Khu công nghiệp, các Dự án sản xuất thiết bị Dầu khí và VLXD thông qua hình thức các Công ty Cổ phần.
- Liên danh với các nhà thầu nước ngoài để làm tổng thầu EPC các dự án lớn.
- Liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện các dự án đóng tàu, sản xuất thiết bị có mức đầu tư lớn.
- Lựa chọn một số đối tác nước ngoài làm cổ đông chiến lược của PVC.

Các giải pháp chính nêu trên sẽ được cụ thể trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty PVC cũng như của từng đơn vị thành viên để từng bước thực hiện và hoàn thành các mục tiêu chiến lược đề ra.

9. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2009, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có 6266 cán bộ công nhân viên, cụ thể được thể hiện như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2009

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng		
1	Hợp đồng lao động dài hạn	2.244	35,81%
2	Hợp đồng lao động ngắn hạn	4.022	64,19%
Tổng cộng		6.266	100%
II	Phân theo giới tính		
1	Lao động nam	5.644	90,07%
2	Lao động nữ	622	09,93%
Tổng cộng		6.266	100%
III	Phân theo trình độ		
1	Đại học trở lên	1.663	26,54%
2	Cao đẳng, THPT	527	9,10%
3	CNKT và trình độ khác	4.033	64,36%
Tổng cộng		6.266	100%
IV	Phân theo phân công lao động		
1	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	389	6,21%
2	Chuyên viên	1.317	21,02%
3	Nhân viên	527	08,41%
4	Công nhân	4.033	64,36%
Tổng cộng		6.266	100%

Nguồn: PVC cung cấp.

10. Chính sách cổ tức:

- Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổng Công ty thu được từ hoạt động SXKD trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó Tổng Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.
- Tổng Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Tổng Công ty dự kiến dành 70% lợi nhuận để lại sau khi trích lập các Quỹ để chia cổ tức cho cổ đông.

Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức của PVC

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	87	228,96
2	Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông (%)	7%	8% - 10%

Nguồn PVC cung cấp.

Ghi chú:

Trong những năm đầu, Tổng Công ty đang tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công, đầu tư các dự án và đầu tư tài chính vào các công ty cổ phần, công ty liên kết nhằm thực hiện các dự án. Các dự án đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư nên chưa có sản phẩm, chưa có doanh thu và lợi nhuận nên dự kiến tỷ lệ trả cổ tức trong những năm đầu chỉ đảm bảo một tỷ lệ hợp lý. Trong những năm tới, khi các dự án hoàn thành, có sản phẩm, doanh thu, phát huy hiệu quả sẽ đem lại lợi nhuận đảm bảo tỷ lệ cổ tức bình quân năm từ 12% đến 15% năm cũng như đảm bảo trích đầy đủ các Quỹ phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

a, Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 – 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

b, Thu nhập bình quân:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong Tổng Công ty. Mức thu nhập bình quân của CBCNV trong Tổng Công ty luôn luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút nhân tài cho Tổng Công ty và gắn kết CBCNV lâu dài với Tổng Công ty.

Bảng 9: Tình hình thu nhập của người lao động trong Tổng Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tiền lương	91.115	279.682	541.202
2	Thu nhập khác	4.806	6.585	4.434
3	Tổng thu nhập	95.921	286.268	545.636
4	Tiền thu nhập bình quân 1 người/tháng	3,4	4,1	6,3

Nguồn: PVC cung cấp.

c, Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

d, Các khoản phải nộp theo luật định:

Tổng Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước.

Riêng khoản thuế thu nhập doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần hóa theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành CTCP, DNNN chuyển sang CTCP được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định hiện hành. Tổng Công ty được miễn thuế TNDN năm 2006, 2007 và giảm 50% thuế TNDN trong 03 năm tiếp theo. Số thuế thu nhập được miễn giảm được Tổng Công ty trích đầy đủ và bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

e, Trích lập các quỹ theo luật định:

Bảng 10: Số dư các quỹ năm 2007, 2008 và 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Quỹ Dự phòng Tài chính	1.431,1	4.727,4	8.744,0
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.064,2	3.719,7	19.721,6
3. Quỹ Đầu tư phát triển	1.431,1	10.696,6	2.979,6
4. Quỹ khác thuộc VCSH	-	831,5	455
5. Tổng cộng	3.926,4	19.975,2	31.900,3

Nguồn: - BCKT 2007 và BCKT hợp nhất năm 2008 đã được kiểm toán

- BCTC năm 2009 đã được kiểm toán

f. Dư nợ vay:

Do đặc thù của một đơn vị Xây lắp nên để đảm vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty luôn phải tìm kiếm các nguồn cung cấp tín dụng uy tín với lãi suất cho vay thấp chủ yếu vay từ Tập đoàn Dầu khí và các định chế tài chính của Tập đoàn.

Bảng 11: Tình hình dư nợ vay của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị cho vay	31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Lãi suất (%/năm)	Giá trị	Lãi suất
Vay ngắn hạn	551.052,8		528.084,47	
Thấu chi từ Tài khoản trung tâm	-	-	-	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	140.000	0%		0%
Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	386.868	6,8% - 8,8%	203.273,19	10,5 – 12%
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Nghệ An	11.299,2	Tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm vay.	19.085,46	10,5 – 12%
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.500	21% (Cố định trong 1 tháng kể từ ngày HĐTD có hiệu lực.	-	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hà Nội			52.918,49	10,5 – 12%
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch			63.668,76	10,5 – 12%
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Cầu Giấy			30.212,27	10,5 – 12%
Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà			30.000	12%
Ngân hàng TMCP Quân đội			35.387,46	10,5 – 12%

– CN Mỹ Đình				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Chương Dương			49.402	10,5 – 12%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Thủy			1.250	10,5 – 12%
Ngân hàng TMCP Quốc Tế			39.578,9	10,5 – 12%
Vay khác	8.168,2	-	3.271,2	10,5 – 12%
Vay dài hạn đến hạn trả	1.217,4	-		
Vay dài hạn	16.419,3		263.148,71	
Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.154,3	Lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của PVFC cộng 3% nhưng không thấp hơn 11,88%. Nguồn đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.	17.862,18	10,5 – 12%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	9.264,9	Lãi suất cho vay thả nổi cho cả thời hạn vay, 6 tháng điều chỉnh một lần. Kỳ thứ nhất áp dụng lãi suất 1,34%/tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Thời gian vay là 36 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Nguồn đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.	126.590	10,5 – 12%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.000	Khoản vay không có đảm bảo và không phải trả lãi vay.	-	

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			118.696	10,5 – 12%
---	--	--	---------	------------

Nguồn: PVC cung cấp

g. Tình hình công nợ:

Bảng 12: Các khoản phải thu, phải trả của Công ty mẹ năm 2008 và năm 2009

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	% Tổng Tài sản	Năm 2009	% Tổng Tài sản
A. Nợ phải thu	871,192,704	33.14%	1,222,439,526	32.07%
1. Phải thu của khách hàng	319,650,169	12.16%	254,193,394	6.67%
2. Trả trước người bán	227,675,144	8.66%	669,013,408	17.55%
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng	102,976,407	3.92%	139,325,126	3.66%
4. Phải thu khác	228,750,652	8.70%	168,050,566	4.41%
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(7,859,668)	-0.30%	(8,142,969)	-0.21%
B. Nợ phải trả	1,055,906,557	40.16%	2,111,275,964	55.39%
I. Nợ ngắn hạn	1,053,630,209	40.07%	1,995,919,799	52.36%
1. Vay và nợ ngắn hạn	409,232,471	15.57%	369,844,940	9.70%
2. Phải trả cho người bán	62,207,012	2.37%	337,690,905	8.86%
3. Người mua trả tiền trước	410,170,193	15.60%	751,810,429	19.72%
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,304,335	0.13%	45,559,733	1.20%
5. Phải trả CBCNV	6,975,106	0.27%	18,137,836	0.48%
6. Chi phí phải trả	44,825,858	1.70%	233,144,081	6.12%
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	116,915,234	4.45%	239,731,871	6.29%
II. Nợ dài hạn	2,276,348	0.09%	115,356,164	3.03%
1. Vay và Nợ dài hạn	2,154,365	0.08%	115,214,942	3.02%
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	121,983	0.00%	141,222	0.00%
Tổng Tài sản (Tổng Nguồn vốn)	2,629,178,085		3,811,593,403	

Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam năm 2008, năm 2009 đã được kiểm toán.

Bảng 13: Các khoản phải thu, phải trả của Tổng Công ty năm 2008 và năm 2009

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	% Tổng Tài sản	Năm 2009	% Tổng Tài sản
A. Nợ phải thu	968,171,868	25.33%	1,891,314,648	33.48%
1. Phải thu của khách hàng	255,508,974	6.68%	542,776,979	9.61%
2. Trả trước người bán	236,702,754	6.19%	712,076,510	12.61%
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng	315,729,173	8.26%	540,386,947	9.57%
4. Phải thu khác	181,083,725	4.74%	113,323,958	2.01%
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(20,852,758)	-0.55%	(17,249,747)	-0.31%
B. Nợ phải trả	2,148,282,196	56.20%	3,609,465,238	63.90%
I. Nợ ngắn hạn	2,130,130,332	55.73%	3,343,242,806	59.19%
1. Vay và nợ ngắn hạn	551,052,794	14.42%	534,857,897	9.47%
2. Phải trả cho người bán	349,288,740	9.14%	715,097,375	12.66%
3. Người mua trả tiền trước	861,435,566	22.54%	1,241,790,608	21.98%
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26,151,138	0.68%	94,767,309	1.68%
5. Phải trả CBCNV	67,326,023	1.76%	84,690,315	1.50%
6. Chi phí phải trả	69,458,526	1.82%	291,688,417	5.16%
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	204,658,516	5.35%	373,418,963	6.61%
8. Dự phòng phải trả dài hạn	759,029	0.02%	6,931,922	0.12%
II. Nợ dài hạn	18,151,864	0.47%	266,222,432	4.71%
1. Vay và Nợ dài hạn	16,419,315	0.43%	256,817,313	4.55%
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	0.00%	-	0.00%
3. Phải trả dài hạn khác	160,464	0.00%	160,464	0.00%
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1,572,085	0.04%	2,117,170	0.04%
5. Dự phòng phải trả dài hạn	-	0.00%	7,127,485	0.13%
Tổng Tài sản (Tổng Nguồn vốn)	3,822,294,314		5,648,503,181	

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán của PVC năm 2008 và năm 2009.

- Với đặc thù của doanh nghiệp xây lắp, vì vậy khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số nợ phải thu của PVC. Các khách hàng của PVC chủ yếu là trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, thủ tục thanh quyết toán thường kéo dài. PVC đồng thời phải trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi kéo dài đúng theo Thông tư 33/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều tại Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Trong ngành xây lắp, thanh quyết toán công trình là vấn đề giải quyết hết sức phức tạp, công nợ với khách hàng trong ngành này thường xuyên duy trì ở mức rất cao. Tuy nhiên, bảng số liệu trên cho thấy trong năm 2008 và năm 2009 tổng các khoản phải thu của PVC nhỏ hơn nhiều so với tổng các khoản phải trả, điều này có nghĩa là trong thời gian qua PVC đã tận dụng và điều tiết xử lý nguồn vốn khá hiệu quả, đặc biệt giảm khả năng bị khách hàng chiếm dụng vốn.
- Các khoản phải trả, phải nộp khác của PVC thể hiện các khoản: Tài sản thừa chờ xử lý, kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và các khoản vay nội bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam chiếm phần lớn với lãi suất nội bộ thấp.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Tổng Công ty qua các năm 2007, 2008, 2009

TT	Nội dung	2007	2008		2009	
			Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất
1	Khả năng thanh toán					
2	Khả năng thanh toán hiện hành (lần) (=Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,13	1,44	1,23	0,90	1,07
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần) (=(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,65	1,30	0,80	0,76	0,78
4	Hệ số hoạt động					
5	Vòng quay vốn lưu động (vòng) (= DTT/TSNH bình quân)	1,00	0,90	1,07	1,30	1,31
6	Vòng quay khoản phải thu (vòng) (=DTT/ phải thu bình quân)	2,25	1,72	2,83	2,06	2,85
7	Vòng quay hàng tồn kho (vòng) (=Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	2,44	4,21	2,64	9,00	3,86
8	Doanh thu thuần/Tổng Tài sản (vòng) (=DTT/ Tổng TS bình quân)	0,87	0,77	0,94	0,67	0,86
9	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
10	Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,78	0,40	0,56	0,55	0,64
11	Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,57	1,47	2,84	1,24	2,06
12	Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
13	Tỷ suất LNST trên DTT	2,85%	5,87%	4,84%	8,14%	5,62%
14	Tỷ suất LNST trên VCSH	11,75%	13,18%	18,54%	10,34%	13,06%
15	Tỷ suất LNST trên Tổng tài sản	2,48%	4,53%	4,58%	4,06%	4,05%
16	Tỷ suất LN từ HĐSXKD trên DTT	0,95%	5,84%	4,44%	9,59%	5,85%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2007, 2008 của Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

BCTC năm 2009 đã được kiểm toán

Ghi chú

– Theo Báo cáo kết quả phát hành riêng lẻ số 432/BC-XLKD của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng, thời gian hoàn thành đợt phát hành là ngày 10/12/2008.

– Căn cứ vào Thuyết minh số 28 tại Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, số cổ phiếu bình quân để tính lãi trên một cổ phiếu cơ bản là: 64.488.990 cổ phiếu. Do vậy, khi tiến hành tính toán các chỉ tiêu có liên quan đến khoản mục Vốn chủ sở hữu, Tổng tài sản, Tổng nguồn vốn, Chúng tôi đã tiến hành điều chỉnh khoản mục Vốn điều lệ. Theo đó, giá trị Vốn điều lệ bình quân là: 644.889.900.000 đồng.

12. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng Quản trị:

12.1.1. Ông Trịnh Xuân Thanh – Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	13/2/1966
Nơi sinh:	Đông Anh, Hà Nội
Quê quán:	Đông Anh, Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND: 011492646	Ngày cấp: 6/11/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	Số 6, Ngách 34/14 Vạn Bảo, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	0903.464.388
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kiến trúc sư
Quá trình công tác:	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 - 2000	Công ty DETESCO VN - HN	Phó Giám đốc
2000 - 2004	Tổng Công ty Sông Hồng, Việt Trì, Phú Thọ	Phó GD Chi nhánh
2004 - 2006	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	Giám đốc
2006 - 2007	Tổng Công ty Sông Hồng, Việt Trì, Phú Thọ	Phó TGD
2007	Tổng Công ty Sông Hồng	Tổng Giám đốc
12/2007 – 2/2009	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Tổng Giám đốc
3/2009 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 24.000.000 cổ phần

Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 24.000.000 cổ phần

+ Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần

- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Các khoản nợ với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.1.2. Ông Nguyễn Ngọc Quý – Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần
Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/10/1953

Nơi sinh: Nghệ An

Quê quán: Hưng Nguyên, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 273387800 Ngày cấp: 21/3/2007 Nơi cấp: Vũng Tàu

Địa chỉ thường trú: Số 8, Đường Lê Văn Lộc, P9, Bà Rịa, VT

Điện thoại liên hệ: 0913.947.072

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Hành chính - Đại học Chính trị

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1974– 11/1983	Binh đoàn 318	Trung uý
10/1983– 10/1984	XN Xây dựng số 1 – XNLHXL Dầu khí Vũng Tàu	Đội phó
11/1984 – 9/1993	XN Liên hiệp Xây lắp Dầu khí Vũng Tàu	Bí thư Đoàn TNCS HCM
10/1993 – 9/2003	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó Bí thư thường trực Đảng Ủy, Chủ tịch Công Đoàn Công ty, Thường vụ Công đoàn ngành DKVN
10/2003–11/2007	Công ty CP Xây lắp Dầu khí	Phó Bí thư Đảng uỷ, Trưởng phòng TCNS Công ty
12/2007 đến 2/2009	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt	Phó TGD, Phó CT HĐQT

	Nam	
2/2009 đến nay	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó CT HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 12.000.000 cổ phần
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 12.000.000 cổ phần
- + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.1.3. Ông Vũ Đức Thuận – Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1971

Nơi sinh: Tiền Hải, Thái Bình

Quê quán: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 012197312 Ngày cấp: 31/7/2002 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: M11, Thanh Xuân Nam, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0913.288.938

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997 - 2000	Công ty Sông Đà 3 - Yaly - TCT Xây dựng Sông Đà	
2000 - 2001	Công ty Sông Đà 8 - TCT Xây dựng Sông Đà	
1/2002 - 8/2003	Công ty CP Sudico - TCT Xây dựng Sông Đà	Trưởng phòng Kỹ thuật
8/2003 - 6/2006	Công ty CP Sudico - TCT Xây dựng Sông Đà	Giám đốc Ban quản lý dự án Hà Tây
7/2006 - 10/2006	Công ty CP Sudico - TCT Xây dựng Sông Đà	Phó Tổng Giám đốc

11/2006 - 10/2008	Công ty CP Sudico - TCT Xây dựng Sông Đà	Tổng Giám đốc
11/2008 - 2/2009	Tổng Công ty Sông Đà	Trưởng phòng Pháp chế
2/2009 đến 10/2009	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
10/2009 đến nay	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 19.053.850 cổ phần
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 19.051.850 cổ phần
+ Số cổ phần của cá nhân: 2.000 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.1.4. Ông Bùi Tiến Thành – Ủy viên HĐQT

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 17/10/1965

Nơi sinh: Phố Yên, Thái Nguyên

Quê quán: Ý Yên, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 131299633 Ngày cấp: 16/7/2003 Nơi cấp: CA Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: 107 K11B, Tập Thể Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0168.778.1111

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ QTKD

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1988-11/1993	Cty Xây dựng số 24 - Tổng Công ty XD Vĩnh Phúc	Cán bộ Kỹ thuật
12/1993- 5/1994	Cty Xây dựng số 24 - Tổng Công ty XD Sông Hồng	CB Kỹ thuật, Đội trưởng Công trình, PBT ĐTN
6/1994 -12/1995	Cty Xây dựng số 26 - Tổng Công ty XD S	Đội trưởng thi công

	ông Hồng	
1/1996 - 3/2002	Tổng Công ty XD Sông Hồng	Trợ lý TGD, Trưởng Ban điều phối CT NM Viettex
4/2002 - 3/2005	Cty Xây dựng số 26 - Tổng Công ty XD Sông Hồng	Giám đốc
4/2005 - 3/2008	Tổng Công ty XD Sông Hồng	Phó TGD
4/2008 đến 2/2009	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó TGD, UV HĐQT
2/2009 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	UV HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 12.050.000 cổ phần
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 12.000.000 cổ phần
- + Số cổ phần của cá nhân: 50.000 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.1.5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Ủy viên HĐQT

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/02/1973

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011604740 Ngày cấp: 27/10/2007 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: số 2B ngõ 132/24/5 Phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0904 856 555

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành Thương mại, Thạc sĩ quản lý dự án xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
T2/1996-T9/2001	Phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Dung	Chuyên viên

	dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí	
T9/2001-T9/2005	Ban chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
T10/2005-3/2009	Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;	Chuyên viên
T3/2009-T9/2009	Phòng Quản lý xây dựng cơ bản – Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó phòng
T10/2009-1/2010	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Ủy viên HĐQT

– Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 12.000.000

Trong đó:

+ Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 12.000.000 cổ phần

+ Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần

– Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

– Các khoản nợ với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc điều hành:

12.2.1. Ông Vũ Đức Thuận – Tổng Giám đốc

(đã trình bày tại mục 12.1.3)

12.2.2. Ông Nguyễn Huy Hòa – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/10/1958

Nơi sinh: Hưng Yên

Quê quán: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 273295616 Ngày cấp: 26/5/2005 Nơi cấp: Vũng Tàu

Địa chỉ thường trú: 43 Lưu Hữu Phước, P.Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu

Điện thoại liên hệ: 0903.917.170

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

1978-1981	Công ty Xây dựng số 11 - Bộ Xây dựng	Kỹ thuật viên, Đội phó SX
1981-1996	Công ty Xây dựng Công nghiệp - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật
1996-2005	XN Xây dựng số 3 - Công ty Thiết kế Xây dựng Dầu khí	Chỉ huy công trường, Phó GD XN Xây dựng số 3
5/2005 - 10/2005	Công ty Thiết kế Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Kỹ thuật
10/2005 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó TGD

– Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:

Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.

+ Số cổ phần của cá nhân: 25.000 cổ phần

– Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

– Các khoản nợ với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.3. Ông Nguyễn Ngọc Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 27/08/1958

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Hoà Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 273177972 Ngày cấp: 12/06/2001 Nơi cấp: Bà Rịa- Vũng Tàu

Địa chỉ thường trú: 235 Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu

Điện thoại liên hệ: 0903806492

Trình độ văn hoá: 10/12

Trình độ chuyên môn: Đại Học

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1980 - 1986	Trường ĐHBK Đà Nẵng	Giáo viên
1986 - 1995	XN Liên Hiệp XLDK	Đội trưởng

1995 - 2003	XN sửa chữa phương tiện nổi XL điện nước - PVECC	Giám đốc
2003 - 2007	Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Dầu khí (PVECCC)	Phó Tổng Giám đốc
2007 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 1.000 cổ phần
Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho Nhà nước: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần của cá nhân: 1.000 cổ phần.
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.4. Ông Phạm Hữu Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 8/5/1966

Nơi sinh: Bắc Ninh

Quê quán: Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 012580671 Ngày cấp: 10/4/2003 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Lô B12 Dãy C, Ô 18, Khu đô thị mới Định Công, HN

Điện thoại liên hệ: 0947918455

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1991 - 1994	Công ty phân đạm Hà Bắc	Kỹ sư
1994 - 1996	Công ty Thạch Bàn - Bộ Xây dựng	Kỹ sư
1996 - 2000	Công ty Thạch Bàn - Bộ Xây dựng	Kỹ sư trưởng
2000 - 2005	Công ty Thạch Bàn - Bộ Xây dựng	Phó Giám đốc
2005 - 11/2007	Tổng Công ty lắp máy LILAMA	Phó GD điều hành DA

		Dung Quất
11/2007 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó TGD

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 7.133 cổ phần
Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần của cá nhân: 7.133 cổ phần.
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.5. Ông Lê Chung Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 17/06/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Ba Vì, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011744636 Ngày cấp: 30/5/2002 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 148A, Đội Cấn, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0982.985.025

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế ngành QTKDCN và XDCB

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1993 - 8/1994	XN máy bay A76	Chuyên viên phòng TCHC
9/1994 - 11/1997	XN máy bay A76	Chuyên viên phòng KSCL
12/1997 - 4/2000	Tổng Công ty hàng không Việt Nam	Chuyên viên đảm bảo chất lượng
4/2000 - 12/2007	Công ty CP kinh doanh Vinaconex - Tổng Công ty Vinaconex	Cán bộ phòng bộ phận thiết bị và nguyên liệu
2/2008 - 8/2008	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Ban KTKH
8/2008 – 4/2009	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban Thương Mại

4/2009 đến nay	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
----------------	--	-------------------

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 0 cổ phần
 Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
 + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần.

Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Số CP của Cty nắm giữ
Vợ: Nguyễn Kim Mai	1971	011643921	30/01/2002	Hà Nội	148 A, Đội Cấn, Hà Nội	70.000

- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.6. Ông: Chu Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 22/11/1957

Nơi sinh: Nghệ An

Quê quán: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011685495 Ngày cấp: 24/5/2002 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 159 Điện Biên Phủ, P15, Quận Bình Thạnh, HCM

Điện thoại liên hệ: 0983.464.588

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/1980 - 1/1990	Viện KH KT Xây dựng	P. Trưởng phòng XD CB
2/1990 - 9/1996	XN Xây dựng số 3 và 4	Giám đốc
10/1996 - 12/1999	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
1/2000 - 12/2001	Vụ chính sách Xây dựng	Phó Vụ trưởng

1/2002 - 12/2006	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà và Đô thị	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 - 11/2007	Ban QLXD các công trình XD Dầu khí	Tổng Giám đốc
12/2007 - 4/2009	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Tổng Giám đốc
4/2009 đến nay	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:
Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.7. Ông Nguyễn Mạnh Tiến - Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 18/08/1966

Nơi sinh: Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Tây

Quê quán: Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 111566273 Ngày cấp: 7/7/1998 Nơi cấp: Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Số 3, ngách 443/116, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0989.708.080

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành TCKT, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1985 – 02/1987	Công ty Xây dựng công trình ngầm - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	CV P. TCKT
03/1987 – 05/1988	XN Thủy công 6 – Tổng Công ty Sông Đà	CV P. TCKT
06/1989 – 10/1991	Công ty Xây dựng thủy điện Yaly - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	CV P. TCKT
11/1991 – 10/1992	Công ty Xây dựng thủy điện Yaly - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Phó kế toán trưởng

11/1992 – 12/1993	Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	CV P. TCKT, kiêm nhiệm Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án Iamnon
01/1994 – 05/1996	Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	CV P. TCKT
06/1996 – 03/2000	Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Phó Kế toán trưởng
04/2000 – 04/2001	Công ty BOT thủy điện Cần Đơn - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Phó Kế toán trưởng TCTy Sông Đà, Kế toán trưởng Cty XD BOT thủy điện Cần Đơn
5/2001 – 27/05/2009	Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Phó Kế toán trưởng
T6/09 -T11/09	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng
T12/09 - Nay	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:
 Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
 + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2.8. Ông Lý Ngọc Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/3/1956

Nơi sinh: Hưng Hà, Thái Bình

Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011678731 Ngày cấp: 12/8/2003 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 24/37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0913203195

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1974 - 1978	Học tại CHDC Đức	
11/1978 - 02/1982	Viện Quy hoạch Thiết kế Thái Bình	Công nhân
3/1982 - 12/1987	ĐH Kiến trúc Hà Nội	Sinh viên
01/1988 - 11/1992	ĐH Kiến trúc Hà Nội	Cán bộ giảng dạy
12/1992-3/1993	Xí nghiệp Thiết kế - ĐH Kiến Trúc Hà Nội	
4/1993-11/1996	Công ty Xây dựng & Kinh doanh Nhà	
12/1996-3/1999	ĐH Kiến trúc Hà Nội	Cán bộ giảng dạy
4/1999-12/2000	Xí nghiệp Xây dựng & Chuyển giao Công nghiệp - Công ty Xây dựng & Phát triển Đô thị - Trường ĐH Kiến trúc	Cán bộ giảng dạy kiêm Giám đốc Xí nghiệp
01/2001-3/2003	Công ty Xây dựng & Phát triển Đô thị - Trường ĐH Kiến trúc	Cán bộ giảng dạy kiêm Phó Giám đốc Công ty
4/2003-16/9/2003	Công ty Xây lắp Cơ giới Contrexim - Công ty Đầu tư Xây dựng & XNK Việt Nam	Phó Giám đốc
16/9/2003-6/2005	Công ty Xây lắp Cơ giới Contrexim - Công ty Đầu tư Xây dựng & XNK Việt Nam	Giám đốc
9/2005-6/2008	Công ty Xây lắp Cơ giới Contrexim holding	Phó Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc
7/2008-10/2009	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Ban
11/2009-đến nay	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:
 Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
 + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.3. Ban Kiểm soát:

12.3.1. Ông Nguyễn Văn Lai – Trưởng ban Kiểm soát

Chức vụ hiện tại:

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 15/3/1958
 Nơi sinh: Xuân Phong - Xuân Trường - Nam Định
 Quê quán: Xuân Phong - Xuân Trường - Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Số CMND: 022946988 Ngày cấp: 08/01/1998 Nơi cấp: Tp HCM
 Địa chỉ thường trú: B6 - C2 Thái Hà - Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội
 Điện thoại liên hệ: 0904239888
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế, Cử nhân Tài chính Kế toán

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/1980-12/1980	Phòng Tài vụ - BQL Công trình Dầu khí - Tổng cục Dầu khí	
12/1980-12/1982	Binh đoàn 318	Cán bộ giảng dạy
01/1983-10/1988	Phòng Tài vụ - BQL Công trình Dầu khí - Tổng cục Dầu khí	
10/1988-3/1993	Công ty Dầu khí số 2	Kế toán trưởng
3/1993-02/2001	Công ty Giám sát các hợp đồng phân chia sản phẩm DK (PVSC)	Kế toán trưởng
02/2001-9/2002	Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC)	Kế toán trưởng
9/2002-10/2006	Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC)	Phó Giám đốc
10/2006-4/2007	Công ty Bất động sản Dầu khí	Chủ tịch HĐQT
4/2007-02/2008	Ban TCKT - Tập đoàn Dầu khí	Cán bộ
3/2008-11/2008	Ngân hàng Hồng Việt	Trưởng ban Kiểm soát
11/2008-11/2009	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	Chủ tịch HĐQT
12/2009- đến nay	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban Kiểm soát

– Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:

Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.

+ Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.3.2. Bà Trần Thị Trang – Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát
 Ngày, tháng, năm sinh: 06/07/1984
 Nơi sinh: Hải Anh - Hải Hậu – Nam Định
 Quê quán: Hải Anh - Hải Hậu – Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Số CMND: 162670331 Ngày cấp: 16/01/2002 Nơi cấp: Nam Định
 Địa chỉ thường trú: A6 – TT13, Đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
 Điện thoại liên hệ: 0913.288.770
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kiểm toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/2007 – 3/2009	Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - AASC	Trợ lý kiểm toán
3/2009 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kiểm soát viên

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 900 cổ phần
 Trong đó : + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
 + Số cổ phần của cá nhân: 900 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không có

12.3.3. Bà Nguyễn Hồng Anh – Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ
phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 17/6/1974
 Nơi sinh: Hoà Bình
 Quê quán: Gia Lâm - Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Số CMND: 011753785 Ngày cấp: 08/01/2007 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: A2 - 2 - B24 Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội
 Điện thoại liên hệ: 0989895567
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
 – Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-1998	TT Công nghệ Thông tin và Du lịch - Tổng cục Du lịch VN	Nhân viên
1998-2008	Quản lý khách sạn - Sở Du lịch Hà Nội	Phó phòng
2008-12/2009	Ban QLDA các CTXD phía Bắc - PVN	Nhân viên
05/01/2010	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kiểm soát viên

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:
 Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
 + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.3.4. Ông Hứa Xuân Nam – Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 19/05/1966
 Nơi sinh: Hưng Yên
 Quê quán: Hưng Yên
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Số CMND: 011254606 Ngày cấp: 6/8/2001 Nơi cấp: Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: Số 80, ngõ 62, Trần Quý Cáp, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại liên hệ: 0912.013457
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kế toán
 – Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

1987 – 1996	Phòng Tài vụ Xí Nghiệp Bông - Sở Công nghiệp Hà Nội	Nhân viên
1996 - 2001	Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (Petrosetco)	Phụ trách TCKT
2001 - 2007	Ban Lọc hoá dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Chuyên viên chính
2007 – 2008	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị - IDICO Dầu khí	Kế toán trưởng
2008 - 4/2009	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị - IDICO Dầu khí	Phó Tổng Giám đốc
4/2009 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kiểm soát viên

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị: 5.000 cổ phần
Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần của cá nhân: 5.000 cổ phần.
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.3.5. Ông Vũ Hữu Nghị – Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1959

Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định

Quê quán: Hải Hậu, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 162135924. Ngày cấp: 08/06/1995 Nơi cấp: Nam Định

Địa chỉ thường trú: Lô 61, tổ 63, Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 04.3782.1906

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

10/1982 – 5/1995	Nhà máy Động cơ Nam Định	Kế toán
6/1995 – 9/1997	Xí nghiệp Vận tải, Công ty Sông Đà 5	Kế toán trưởng
10/1997 – 6/2001	Điện lực Hà Nam	Cán bộ kinh doanh
2001 – 01/2007	Điện lực Hà Nam	Trưởng phòng HCQT
01/2007 – 8/2008	Trung tâm Viễn thông - Điện lực Hà Nam	Trưởng phòng Tổng hợp
20/8/2008 – 5/2009	Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới	Kiểm soát viên
5/2009 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kiểm soát viên

– Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:

Trong đó: + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần

– Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: Không

– Các khoản nợ với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.4. Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kế toán trưởng

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 25/4/1974

Nơi sinh: Nghi Phú, Nghi Lộc, Nghệ An

Quê quán: Nghi Phú, Nghi Lộc, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 012774759 Ngày cấp: 21/4/2005 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: P401 B5, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên hệ:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/1997-6/2007	Phòng TCKT - TCT XD Hà Nội	Chuyên viên
7/2007-8/2007	Phòng TCKT thuộc Ban TCKT&Kiểm toán -	Trưởng phòng

	TCT Điện lực Dầu khí	
9/2007-8/2009	TCT Điện lực Dầu khí	Phó Ban TCKT & Kiểm toán
10/2007-6/2008	Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí	Ủy viên HĐQT
12/2007-5/2009	Công ty Cổ phần Thủy điện Dăkđrinh	Trưởng ban Kiểm soát
5/2009-8/2009	Công ty Cổ phần Thủy điện Dăkđrinh	Ủy viên HĐQT
8/2007-8/2009	Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	Trưởng ban Kiểm soát
11/2007-8/2009	Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí (PVPS)	Trưởng ban Kiểm soát
8/2009-01/2010	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban Kiểm soát
20/01/2010	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng

- Số cổ phần nắm giữ tại đơn vị:
- Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần của cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

13. Tài sản

Bảng 15: Một số tài sản chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2008

TT	Tài sản	Công ty Mẹ			Hợp nhất toàn TCT		
		Nguyên giá (nghìn đồng)	Gtrị còn lại (nghìn đồng)	Tỷ lệ còn lại %	Nguyên giá (nghìn đồng)	Gtrị còn lại (nghìn đồng)	Tỷ lệ còn lại %
A	Tài sản cố định hữu hình						
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11,222,954	6,753,636	60.2%	90,992,503	40,624,423	44.6%
2	Máy móc thiết bị	212,755,971	187,195,619	88.0%	452,197,043	307,450,042	68.0%
3	Phương tiện vận tải	89,178,703	70,600,839	79.2%	191,199,827	136,683,654	71.5%
4	Thiết bị văn phòng	9,673,601	5,173,885	53.5%	33,917,728	14,243,570	42.0%
5	Thiết bị khác	0	0	0.0%	11,769,098	8,186,332	69.6%
	Tổng cộng	322,831,229	269,723,979	83.5%	780,076,199	507,188,021	65.0%
B	Tài sản cố định vô hình	593,009	403,060	68.0%	6,101,768	4,336,942	71.1%

Nguồn: PVC cung cấp

Bảng 16: Một số tài sản chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2009

TT	Tài sản	Công ty Mẹ			Hợp nhất toàn TCT		
		Nguyên giá (nghìn đồng)	Gtrị còn lại (nghìn đồng)	Tỷ lệ còn lại %	Nguyên giá (nghìn đồng)	Gtrị còn lại (nghìn đồng)	Tỷ lệ còn lại %
	Tài sản cố định hữu hình						
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11,222,954	6,753,636	60.2%	87,730,382	38,772,059	44.2%
2	Máy móc thiết bị	212,755,971	187,195,619	88.0%	448,867,330	304,337,958	67.8%
3	Phương tiện vận tải	89,204,448	70,625,613	79.2%	172,000,077	118,960,770	69.2%
4	Thiết bị văn phòng	9,647,856	5,149,111	53.4%	32,224,963	12,778,739	39.7%
5	Thiết bị khác	0	0	0.0%	11,685,098	8,087,013	69.2%
	Tổng cộng	322,831,229	269,723,979	83.5%	752,507,850	482,936,539	64.2%
	TSCĐ thuê tài chính	6,123,828	6,054,845	98.9%	6,123,828	6,054,845	98.9%
	Tài sản cố định vô hình	593,009	403,060	68.0%	5,901,507	4,137,084	70.1%

Nguồn: PVC cung cấp.

Bảng 17: Tình hình văn phòng, nhà xưởng đang sử dụng của PVC

TT	Địa chỉ	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)
1	Tầng 6, Tòa nhà SanNam, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	Văn phòng TCT tại Hà Nội	Thuê VP
2	Văn phòng 33 Hai Bà Trưng, TP Quảng Ngãi	Văn phòng Công ty PVC-MT	1.400
3	Văn phòng 620 xã Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	Văn phòng cho thuê	1.048
4	Số 33A đường 30/4 P9 TP Vũng Tàu	Văn phòng TCT tại Vũng Tàu và Văn phòng Công ty PVC-PT	5.104,4
5	35 đường 30/4-P9-TP Vũng Tàu	- Sân bóng TDTT - Văn phòng PVC-IC - Văn phòng PVC-PT	8.070
6	Xã Phước Hưng – Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	7.031,2
7	Xã Phước Hưng – Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2.235,1
8	Phường 9 – TP Vũng Tàu	- Xây chung cư - Dự án xây chợ (2.973,8m2) P.9	10.305
9	- Số 407 Nguyễn An Ninh - P9 – TP Vũng Tàu	Dự án xây dựng chung cư	673,9
10	- Số 02 (Ngã ba Chí Linh) Nguyễn Hữu Cánh – P Thắng Nhất TP Vũng Tàu	Văn phòng Công ty PVC-MS	3.570,9
11	- Số 63 Huỳnh Thúc Kháng – Hà Nội	Văn phòng Công ty PVC-Hà Nội	874,14
12	- Khu tập thể Chùa Hà – Hà Nội	Xưởng cơ khí nhà điều hành Công ty PVC-Hà Nội	1.490
13	- 240 Nguyễn Hữu Cánh(phường Thắng Nhất)	Dự án xây dựng chung cư	4.011,7
14	- Kho tư liệu DK (Phước Hưng – Long Đất)	Kho chứa mẫu tư liệu DK cho thuê	700
15	- Nhà LV 2 tầng- 79A Quốc lộ 51 Long Thành - Đồng Nai	Văn phòng cho thuê	85
16	- 5 Kios Đường Nguyễn Trung Trực P9 Vũng Tàu	Kios cho thuê	Cho thuê
17	- Số 1 đường Phan Văn Nghị - P9 TP Vũng Tàu	Xưởng Công ty PVC-PT	2.712,4

Nguồn: PVC cung cấp

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo:**14.1. Mục tiêu phát triển:**

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực thi công (thiết bị chuyên dụng, phương tiện, vốn, nhân lực) phù hợp với Chiến lược phát triển của Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Nghị quyết số 7610/NQ-DKVN ngày 13/10/2008.
- Kien toàn bộ máy hoạt động của Tổng Công ty PVC và các đơn vị thành viên. Hoàn thiện phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung trọng tâm vào xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí trên biển và các dự án đầu tư mang tính chiến lược để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty trong xây lắp chuyên ngành Dầu khí.
- Chủ động làm việc với các đơn vị thành viên của Tập đoàn để cung cấp dịch vụ xây lắp và các dịch vụ khác. Chủ động tiếp cận để thực hiện các dự án trọng điểm trong ngành trên cơ sở năng lực và giá cạnh tranh. Xây dựng thương hiệu PVC thành một thương hiệu mạnh trong nước và trong khu vực.
- Nhượng bớt phần vốn góp của Tổng Công ty PVC tại các Công ty không nằm trong chiến lược của PVC cho các đối tác khác.

14.2. Các chỉ tiêu chính:**Bảng 18: Báo cáo một số chỉ tiêu thực hiện năm 2009 và Kế hoạch 2010**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	Tăng/giảm so với 2009
1	Tổng vốn điều lệ bình quân/năm	tỷ đồng	2.250	150,0%
2	Tổng giá trị sản lượng thực hiện	tỷ đồng	8.000	167,5%
3	Doanh thu:	tỷ đồng	7.000	161,8%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	437	144,7%
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	248	141,8%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ bình quân/năm	%	19,4	96,5%

7	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	399	152,3%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ bình quân/năm	%	17,73	101,5%
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	150,0%

Nguồn: PVC cung cấp

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

Theo kế hoạch đã đề ra 2010, lợi nhuận sau thuế 2010 là 399 tỷ đồng. Cơ sở để Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã đề ra mục tiêu này là do:

- Kể từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, đặc biệt là khi chuyển thành tổng công ty, PVC đã có những bước phát triển tốt. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn từ 2007 – 2008 luôn đạt từ mức 50% - 100%. Do vậy, PVC có thể tự tin đặt ra mục tiêu tăng trưởng từ 50% - 100% /năm cho các năm tới.
- Căn cứ Chiến lược phát triển của Tổng Công ty PVC đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Nghị quyết số 7610/NQ-DKVN ngày 13 tháng 10 năm 2008.
- Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2008 và năm 2009.
- Chương trình, kế hoạch tiếp thị, đấu thầu của Tổng Công ty PVC.
- Kế hoạch đầu tư XDCB của Tập đoàn và Các đơn vị thành viên của Tập đoàn.
- Các hợp đồng đã ký kết và chuyển tiếp các năm sau.
- Dự kiến chi tiết doanh thu năm 2010 như sau:

Bảng 19: Chi tiết sản lượng, doanh thu kế hoạch năm 2010

Đvt: tỷ đồng

TT	Tên công trình, hạng mục công trình	Kế hoạch năm 2010	
		Sản lượng	Doanh Thu
A	CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM	5.310,00	4.825,00
1	Dự án Lọc hoá dầu Nghi Sơn	1.110,00	999,00
2	Dự án Nhà máy xơ sợi Đình Vũ	550,00	500,00
3	EPC - Thiết kế, mua sắm xây dựng nhà máy Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc	450,00	400,00
4	Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	420,00	384,00
5	Viện dầu khí Quốc gia	420,00	380,00

6	Dự án tổ hợp khách sạn Dầu khí 5 sao Mỹ Đình	170,00	152,00
7	Dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô môn	410,00	370,00
8	EPC- Dự án nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2	750,00	700,00
9	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	650,00	590,00
10	Nhà máy ximăng Dầu khí 12/9	380,00	350,00
B	CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	2.690,00	2.175,00
I	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1.810,00	1.405,00
1	Dự án Polypropylene Dung Quất	17,00	17,00
2	Kho chứa LPG Gò Dầu	30,00	20,00
3	Văn phòng Vietsopetro 105 Lê Lợi - Vũng Tàu	141,00	120,00
4	Dự án Đại học Dầu khí	190,00	150,00
5	Dự án 22 ha Mỹ Đình - Hà Nội	150,00	120,00
6	Kho lạnh Thị Vải	200,00	150,00
7	Mở rộng cảng Condorsate	30,00	20,00
8	Các gói thầu xây lắp của PVShipyards	70,00	60,00
9	Toà nhà Dầu khí Nghệ An	140,00	100,00
10	Khu công nghiệp Hoàng Mai	102,00	70,00
11	Trung tâm tài chính Phú Mỹ Hưng	70,00	45,00
12	Cao ốc 43 Mạc Đĩnh Chi Tp. HCM	80,00	50,00
13	Toà nhà Dragon quận 7	70,00	40,00
14	Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng Nguyễn Hữu Cánh - Vũng Tàu	50,00	45,00
15	Cảng Cần Thơ	50,00	42,00
16	Khu nhà điều hành BQL Dự án Khí Điện Đạm - Cà Mau	80,00	60,00
17	Hệ thống phân phối khí Thấp áp cung cấp cho KCN Nhơn Trạch	40,00	35,00
18	Xây dựng dây chuyền cấp khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	20,00	16,00
19	Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng	50,00	40,00
20	Mở rộng kho xăng dầu Cù Lao Tào	40,00	25,00
21	Kho chứa LPG và Trạm xuất xe bồn Dung Quất	35,00	25,00
22	Mở rộng khách sạn Dầu khí Đà Lạt	35,00	25,00
23	Kho đạm Đồng Tháp	20,00	15,00
24	Tổ hợp văn phòng và hội nghị quốc tế tại Cần Thơ	20,00	15,00

25	Công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp khác	80,00	50,00
26	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2009		50,00
II	Sản phẩm công nghiệp	540,00	415,00
1	Chế tạo chân đế, topside các công trình biển của VSP	90,00	60,00
2	Chế tạo kim loại, bồn bể, đường ống	100,00	75,00
3	Vật liệu xây dựng và bê tông thương phẩm	100,00	70,00
4	Sản phẩm công nghiệp khác	250,00	180,00
5	Doanh thu, lợi nhuận từ KL dở dang của các công trình năm 2009		30,00
III	Quy hoạch, khảo sát, tư vấn, thiết kế	180,00	137,00
1	Lập dự án ĐTXDCT " Tuyến đường ống dẫn khí kết nối Đông - Tây Nam Bộ"	20,00	15,00
2	Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán, cung cấp thiết bị và xây lắp CT " Mở rộng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè"	35,00	23,00
3	Khảo sát dự án " Tuyến đường ống dẫn khí kết nối Đông - Tây Nam Bộ"	25,00	19,00
4	Thiết kế FEED cho Lô B - Ô Môn	10,00	8,00
5	Các dự án tư vấn, khảo sát, thiết kế khác	90,00	72,00
IV	Hoạt động kinh doanh khác	160,00	100,00
1	Kinh doanh dịch vụ khác	160,00	100,00
V	Đầu tư và các hoạt động tài chính	-	118,00
1	Lợi nhuận chia cổ tức từ các đơn vị góp vốn		111,00
2	Lãi tiền gửi		7,00
	TỔNG CỘNG	8.000,00	7.000,00

Nguồn: PVC cung cấp

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:

Qua quá trình thu thập tài liệu và có những nghiên cứu cần thiết, Chúng tôi cho rằng:

Mặc dù, năm 2009 là một năm đầy thử thách đối với Tổng Công ty. Nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề như: lạm phát, lãi suất tín dụng tăng cao, thất nghiệp, xuất khẩu gặp khó khăn, thiếu hụt vốn đầu tư.v.v. Tuy nhiên, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam vẫn hoàn thành thậm chí một số chỉ tiêu vượt mức đề ra.

Theo đánh giá của chúng tôi, nền kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn phục hồi trong năm 2010. Khi đó, nhu cầu về xây dựng cơ bản, dầu mỏ tiếp tục tăng cao. Thêm vào đó Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đang chuyển dần sang lĩnh vực đầu tư Bất động sản nhằm tăng lợi nhuận và khẳng định vị thế.

Xét trên các yếu tố trên, Chúng tôi cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Tổng Công ty đưa ra là hoàn toàn có cơ sở để thực hiện.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 100.000.000 cổ phần
4. **Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng
5. **Phương pháp tính giá:**

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 81/QĐ-XLKD ngày 20/01/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên cơ quan Tổng Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ sở tính giá: theo phương pháp giá trị sổ sách.

Theo giá sổ sách tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ

- Dựa trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ ngày 31/12/2008, giá sổ sách 01 (một) cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được tính như sau:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần = Giá trị sổ sách Công ty/ tổng số CP đang lưu hành .

$$\begin{aligned}
 &= \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ Khen thưởng phúc lợi})}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} \\
 &= \frac{1.569.969.339.328 - 3.302.188.389}{150.000.000} \\
 &= \mathbf{10.444,4 \text{ (đồng/cổ phần)}}
 \end{aligned}$$

- Giá trị sổ sách của Công ty tại ngày 31/12/2009: Căn cứ báo cáo tài chính Công ty mẹ ngày 31/12/2009:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{1.697.647.097.246 - 2.670.341.625}{150.000.000} \\ &= \mathbf{11.299,8} \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Vậy giá trị sổ sách 01 cổ phần tại báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thời điểm 31/12/2008 là **10.444,4** đồng/cổ phần và ngày 31/12/2009 là **11.299,8** đồng/cổ phần.

Theo giá sổ sách tại Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2008, giá sổ sách 01 (một) cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{\text{(Vốn chủ sở hữu - Quỹ Khen thưởng phúc lợi)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{1.605.233.024.347 - 3.719.713.079}{150.000.000} \\ &= \mathbf{10.676,7} \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

- Giá trị sổ sách của Công ty tại ngày 31/12/2009: Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2009:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{1.753.184.259.615 - 2.979.608.148}{150.000.000} \\ &= \mathbf{11.668} \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Vậy giá trị sổ sách 01 cổ phần tại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thời điểm 31/12/2008 là **10.676,7** đồng/cổ phần và ngày 31/12/2009 là **11.668** đồng/cổ phần.

Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến không thuận lợi nên để đảm bảo đợt phát hành thành công, Đại hội đồng cổ đông quyết định chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên cơ quan Tổng Công ty với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối:

Tổng số cổ phần chào bán: 100.000.000 cổ phần, trong đó:

- *Phần cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu:*
 - + Số lượng cổ phần: 92.500.000 (Chín mươi hai triệu năm trăm nghìn) cổ phần
 - + Tổng mệnh giá: 925.000.000.000 (Chín trăm hai mươi lăm tỷ) đồng
 - + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng /cổ phần)
 - + Tỷ lệ phân phối: 1:0,61666 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phần thì được mua 0,61666 cổ phần phát hành thêm)
- *Phần cổ phần chào bán cho cán bộ, công nhân viên cơ quan Tổng Công ty:*
 - + Số lượng cổ phần: 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) cổ phần
 - + Tổng mệnh giá: 75.000.000.000 (Bảy mươi lăm tỷ) đồng
 - + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng /cổ phần)
 - + Phương án phát hành chi tiết theo chương trình lựa chọn cho người lao động (đính kèm)

Đối với số cổ phần lẻ phát sinh trong quá trình phân phối, để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu phát hành số lượng cổ phần phát hành thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

7. Xử lý cổ phần đôi dư:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 81/QĐ-XLĐK ngày 20/1/2010: Số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên không mua hết và phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Tổng Công ty bán cho các cổ đông khác nhưng với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).

8. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Sau khi nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp, lộ trình triển khai các công việc tiếp theo như sau:

Công việc	Thời gian dự kiến (ngày làm việc)
Giai đoạn 1: Công bố thông tin về việc nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKKK	
1. Ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận	D
2. Công bố thông tin đại chúng về việc nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN	D + 7
Giai đoạn 2: Chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền cho cổ đông hiện hữu	
3. Thông báo ngày đăng ký cuối cùng gửi TTLKCK	T
4. Ngày chốt danh sách cổ đông để phân phối quyền mua (ngày đăng ký cuối cùng)	T + 10

5. Lập danh sách cổ đông để phân bổ quyền (thời gian này có thể ngắn hơn tùy theo tình hình triển khai công việc thực tế của TTLKCK và TVLK)	(T+10) đến (T+22)
6. Thời gian chuyển nhượng quyền mua	(T+22) đến (T+42)
7. Thời gian đăng ký và đóng tiền	(T+22) đến (T+42)
8. Báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN	(T+43) đến (T+53)
9. HĐQT được ủy quyền xử lý bán tiếp trong trường hợp số lượng cổ phần đăng ký không phân phối hết	(T+43) đến (T+60)
Giai đoạn 3: Niêm yết và Lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên SGDCK Hà Nội	Ngay sau khi hoàn thành việc tăng vốn

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 81/QĐ-XLDK ngày 20/1/2010 đã thống nhất thông qua việc thực hiện lưu ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phần phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn thành việc phát hành.

9. Đăng ký mua cổ phiếu:

Việc đăng ký mua cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở thông báo chốt danh sách cổ đông do Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Quyết định 238/2005/QĐ-TTg quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu chào bán cổ phiếu ra công chúng của một tổ chức đăng ký giao dịch Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hiện nay, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là 2.683.500 cổ phần tương đương 1,79% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1	Tổ chức	05	197,500	0,13%
2	Cá nhân	16	2,486,000	1,66%
Tổng cộng		21	2.683.500	1,79

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng.

12. Các loại thuế có liên quan:

Công ty đang được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2006.

Theo Quy định tại Luật số 14/2008/QH12 về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%/năm. Mức thuế suất trên được áp dụng từ 01/01/2009.

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/7/2007 và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập cá nhân, nhà đầu tư khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng chứng khoán phải tiến hành nộp thuế thu nhập cá nhân. Thuế suất đối từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1%/giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh Thăng Long, Số tài khoản: 35035013308006868

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Hiện nay, Tổng công ty đang tham gia thi công các công trình trọng điểm có quy mô lớn do Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn làm chủ đầu tư như: Nhà máy nhựa Polypropylen Dung Quất, Nhà máy liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy xơ sợi Polyeste Đình Vũ, Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ, Đường ống dẫn khí lô B Ô Môn, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2, Công trình kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG Gò Dầu, Kho chứa LPG Dung Quất, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Văn phòng Viện dầu khí, Tổ hợp khách sạn Dầu khí và các công trình khác trong và ngoài ngành dầu khí... Trong thời gian thực hiện vừa qua, Tổng công ty ngày càng khẳng định được khả năng thi công các dự án, công trình với chất lượng kỹ và mỹ thuật cao.

Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng cũng như tiến độ thi công của các công trình trong thời gian tới, Tổng công ty đã tiến hành rà soát và đánh giá năng lực tài chính, tổ chức quản lý thi công, năng lực thiết bị hiện có của từng đơn vị thành viên và nhận thấy năng lực tài chính đặc biệt là năng lực về thiết bị thi công của các công ty con còn nhiều hạn chế, các thiết bị chuyên ngành của đơn vị còn thiếu, chưa đáp ứng được kịp thời nhu cầu thi công các công trình của Tổng công ty trong giai đoạn 2009-2010 và những năm tiếp theo.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược xây dựng và phát triển Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam thành một Tổng công ty Xây lắp chuyên ngành Dầu khí, có trình độ quản lý và công nghệ mang tầm quốc tế trong xây lắp các công trình dầu khí, đặc biệt là các công trình dầu khí trên biển; trở thành nhà thầu đứng đầu Việt nam và cạnh tranh được với các nhà thầu

khác trong khu vực về thực hiện tổng thầu EPC xây lắp các công trình dầu khí trong lĩnh vực hoạt động thăm dò, khai thác, khí điện, vận chuyển, chế biến và lưu trữ các sản phẩm dầu khí... Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2009-2010 nhằm nâng cao năng lực cho các đơn vị thành viên trong hoạt động xây lắp chuyên ngành, đầu tư phát triển công nghiệp dầu khí và đầu tư kinh doanh với tổng nhu cầu vốn là 3.446 tỷ đồng, trong đó nhu cầu vốn đầu tư của Công ty mẹ là 1.892 tỷ đồng. Do đó, Tổng công ty xây dựng phương án tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo có đủ vốn đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của mình.

VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng công ty dự kiến sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ lên 2.500 tỷ đồng cho các mục đích cụ thể sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành	1.000.000.000.000	
	- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	475.167.360.000	
	- Cổ đông hiện hữu khác	449.832.640.000	
	- CBCNV	75.000.000.000	
II	Mục đích sử dụng vốn	1.000.000.000.000	
1	Góp vốn vào các Cty cổ phần mới chuyển đổi	240.500.000.000	
	-Cty CP Xây lắp Đường ống bồn bể Dầu khí	52.000.000.000	PVC-PT
	-Cty CP Xây lắp và Kết cấu kim loại Dầu khí	52.000.000.000	PVC-MS
	-Cty CP Xây lắp Dân dụng Dầu khí	103.000.000.000	PVC-IC
	-Cty CP Xây lắp DK Miền Trung	26.500.000.000	PVC-MT
	-Cty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	5.000.000.000	PVC-HN
	-Cty CP thi công Cơ giới Dầu khí	2.000.000.000	PVC-ME
2	Nhận chuyển nhượng vốn từ các đơn vị trong Tập đoàn	473.694.606.240	
	-Cty CP Dịch vụ cao cấp Dầu khí	116.805.306.240	PVR
	-Cty CP Đầu tư bất động sản Điện lực Dầu khí	172.200.000.000	PVPowerland
	-Cty CP bất động sản tài chính Dầu khí	184.689.300.000	PVFCland
3	Góp vốn vào các đơn vị theo kế hoạch	285.805.393.760	
	-Góp vốn thực hiện dự án Nhà máy ống thép hàn thẳng 60.000 tấn/năm	100.000.000.000	
	-Góp vốn thực hiện dự án 25 ha Mỹ Đình	185.805.393.760	

Trên cơ sở vốn điều lệ tăng thêm từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng. Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2010 với một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu sau:

- Tổng doanh thu năm 2010: 7.000 tỷ đồng tăng 93% so với năm 2009.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 490 tỷ đồng tăng 112,6% so với năm 2009.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2010: 412 tỷ đồng tăng 113,2% so với năm 2009.
- Nộp Ngân sách Nhà nước 2010: 248 tỷ đồng tăng 83,7% so với năm 2009.
- Thu nhập bình quân năm 2010: 6,5 triệu/người/tháng tăng 14,6% so với năm 2009.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

Số 20 Ngô Quyền – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 278 9898 Fax: (84.4) 278 8989

Website: www.psi.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà PetroTower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 911 1818 Fax: (84.4) 911 1919

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Số 8 Phạm Ngọc Thạch – Quận Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 852 4123 Fax: (84.4) 852 4143

Website: www.vacodtt.com

2. Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland)

Số 2 Huỳnh Khương Ninh – Đường Đakao – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9105401 Fax: (84.8) 9105402

Email: vietland@vietland-audit.com

IX. PHỤ LỤC:

1. Phụ lục I: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
2. Phụ lục II: Quyết định của HĐQT Tổng Công ty thông qua hồ sơ phát hành
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
4. Phụ lục IV: Bản sao Điều lệ Tổng công ty
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009
7. Phụ lục VII: Chương trình lựa chọn cho người lao động Tổng Công ty
8. Phụ lục VIII: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS
9. Phụ lục IX: Xác nhận của Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán
10. Phụ lục X: Công văn số 336/XLDK-TCKT ngày 31/03/2010 của Tổng Công ty PVC về việc cam kết danh sách CBCNV được mua cổ phần
11. Phụ lục XI: Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và niêm yết bổ sung cổ phiếu

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRỊNH XUÂN THANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VŨ ĐỨC THUẬN

NGUYỄN VĂN LAI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
TỔNG GIÁM ĐỐC